



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 08 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Các giải thưởng tiêu biểu
- 12 Mô hình quản trị
- 13 Bộ máy quản lý
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Định hướng phát triển
- 19 Các công ty con, công ty liên kết
- 20 Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 39 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 40 Tình hình tài chính
- 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 54 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 56 Tình hình tài chính
- 58 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 58 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 59 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 60 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 64 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 72 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 74 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 82 Hội đồng quản trị
- 89 Ban kiểm soát
- 94 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH





1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Bộ máy quản lý
- Các công ty con, công ty liên kết
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Tên tiếng Anh:	: DANANG SEAPRODUCTS IMPORT - EXPORT CORPORATION
Tên viết tắt	: SEADANANG
Mã cổ phiếu	: SPD
Giấy CNĐKDN số	: Số 0400100778 cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 19 ngày 12/11/2020

Vốn điều lệ	: 120.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Số điện thoại	: (0236) 3821436
Số fax	: (0236) 3921958
Website	: www.seadanang.com.vn
Email	: info@seadanang.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

26/02/1983, Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng được thành lập, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung.

01/01/2007: Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, với vốn điều lệ 55 tỷ VNĐ.

Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom với mã chứng khoán SPD.

Ngày 24/07/2015, Chuyển đổi từ Công ty có vốn nhà nước chi phối sang công ty cổ phần nhà nước không chi phối.

Ngày 05/12/2015, Thay đổi tên viết tắt của công ty từ Seaprodex Đà Nẵng thành SEADANANG.

Đến nay, Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ 120 tỷ đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHĐCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.



31/03/1993: Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập, là doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập.

Ngày 05/05/2008, Công ty thông qua phương án tăng vốn điều lệ thành 75,6 tỷ VNĐ.

Ngày 24/03/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VNĐ bằng cách chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Ngày 25/01/2016, Thay đổi logo Công ty.
Ngày 08/04/2016, Công ty phát hành riêng lẻ 2 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Với sự nỗ lực không ngừng, SEADANANG đã được ghi nhận nhiều thành tích hoạt động qua các năm như sau:

- **Huân chương lao động** của Nhà nước trao tặng (Hạng ba - Năm 1992, Hạng nhì - Năm 1998, Hạng nhất - Năm 2003);
- Danh hiệu **Anh Hùng Lao Động** trong thời kỳ đổi mới (năm 2000);
- Được vinh danh là **Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín** 17 năm liền do Bộ Công Thương xét chọn (2004-2020).
- SEADANANG được công nhận là doanh nghiệp có mối quan hệ lao động tốt thông qua các Bằng khen của UBND Thành phố Đà Nẵng về thành tích **"Xuất sắc - tiêu biểu trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động"**, **"Xuất sắc trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở"**, được **"Tôn vinh Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động"** và **"Doanh nghiệp tiêu biểu"** do Liên đoàn Lao động Thành Phố Đà Nẵng trao tặng, **"Có thành tích xuất sắc trong chăm lo đời sống người lao động – năm 2022"**, và nhiều danh hiệu quan trọng khác;
- **Top 30 doanh nghiệp xuất khẩu tôm thẻ chân trắng của Việt Nam** trong 4 năm 2019 - 2022;
- **Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu Tôm vào thị trường Nhật** (2019 - 2022), SEADANANG giữ vị trí thứ 4 trong năm 2022.
- Công nhận đạt tiêu chuẩn **"An toàn về an ninh trật tự"** năm 2022 do UBND Thành phố Đà Nẵng trao tặng.
- Và nhiều danh hiệu quan trọng khác...



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan chủ chốt quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty. Tại Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty. Đại hội đồng cổ đông tổ chức họp thường niên mỗi năm một lần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị, thay mặt cho công ty, có toàn quyền quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và các vấn đề quy định trong Điều lệ của công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị kiến nghị và trình Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

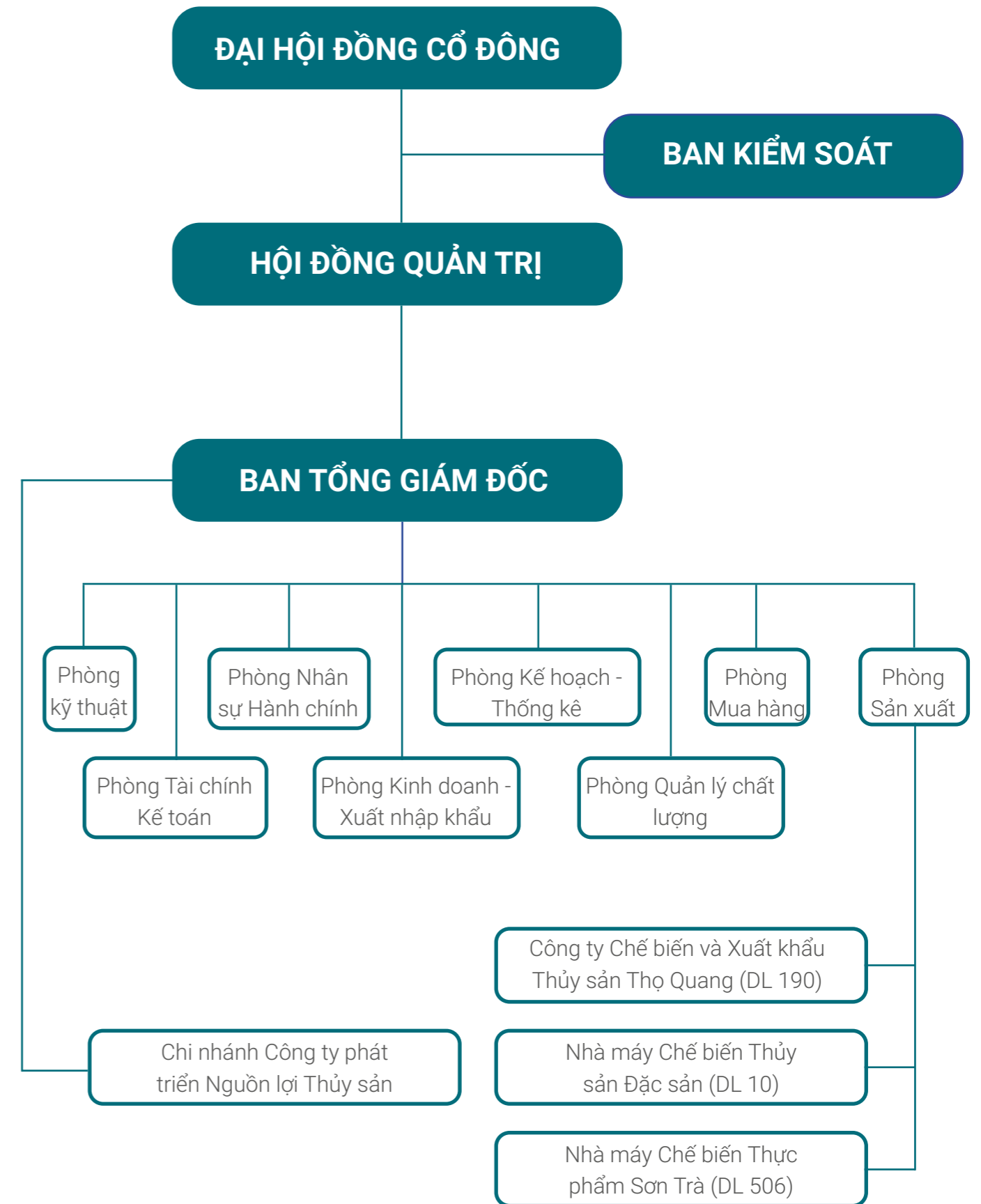
BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là tổ chức có trách nhiệm giám sát, kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp của quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quy định trong Điều lệ của Công ty.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty được bổ nhiệm bởi Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty và phải tuân thủ sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty và thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao phó.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

CHẾ BIẾN - XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Chủ đạo về tôm thẻ chân trắng, các dòng sản phẩm của SEADANANG đa dạng từ truyền thống đến giá trị gia tăng như tôm nguyên con, tôm vỏ, tôm thịt, tôm xiên que, tôm luộc, tôm nobashi, tôm tẩm bột,... Song song với mặt hàng chủ lực, Công ty còn chế biến các loại cá biển như cá hổ, cá dứa, cá sòng, cá đồng, cá bánh đường, cá hồi, cá saba,... Điều này giúp thương hiệu SEADANANG chinh phục được các thị trường khó tính trên thế giới như Nhật, châu Âu, Mỹ, châu Á, châu Úc,... với kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm không ngừng tăng trưởng.

KINH DOANH DỊCH VỤ KHO VẬN

Công ty có hệ thống kho lạnh hiện đại, đạt chuẩn quốc tế tại Đà Nẵng với công suất trên 4000 tấn. SEADANANG luôn mang đến cho khách hàng sự an tâm về chất lượng và hình thức của từng sản phẩm cần bảo quản lạnh nhờ năng lực thiết bị cao.



SẢN XUẤT - KINH DOANH THỨC ĂN NUÔI THỦY SẢN

Thức ăn nuôi thủy sản là lĩnh vực quan trọng trong chuỗi quy trình khép kín của SEADANANG. Công ty sản xuất, kinh doanh các loại thức ăn nuôi tôm, cá trên dây chuyền thiết bị công nghệ tiên tiến, theo quy trình kiểm soát chặt chẽ, hệ số tiêu tốn thức ăn tối ưu, tổng hợp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng cho thủy sản nuôi. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các dịch vụ kỹ thuật công nghệ, vật tư, thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản góp phần thúc đẩy nghề nuôi thủy sản Việt Nam phát triển.



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Sản phẩm của SEADANANG được tiêu thụ ở hầu hết các thị trường lớn thuộc các châu lục khác nhau như châu Á, châu Âu, châu Mỹ và châu Úc... Trong đó Nhật Bản là thị trường truyền thống lớn nhất của Công ty.

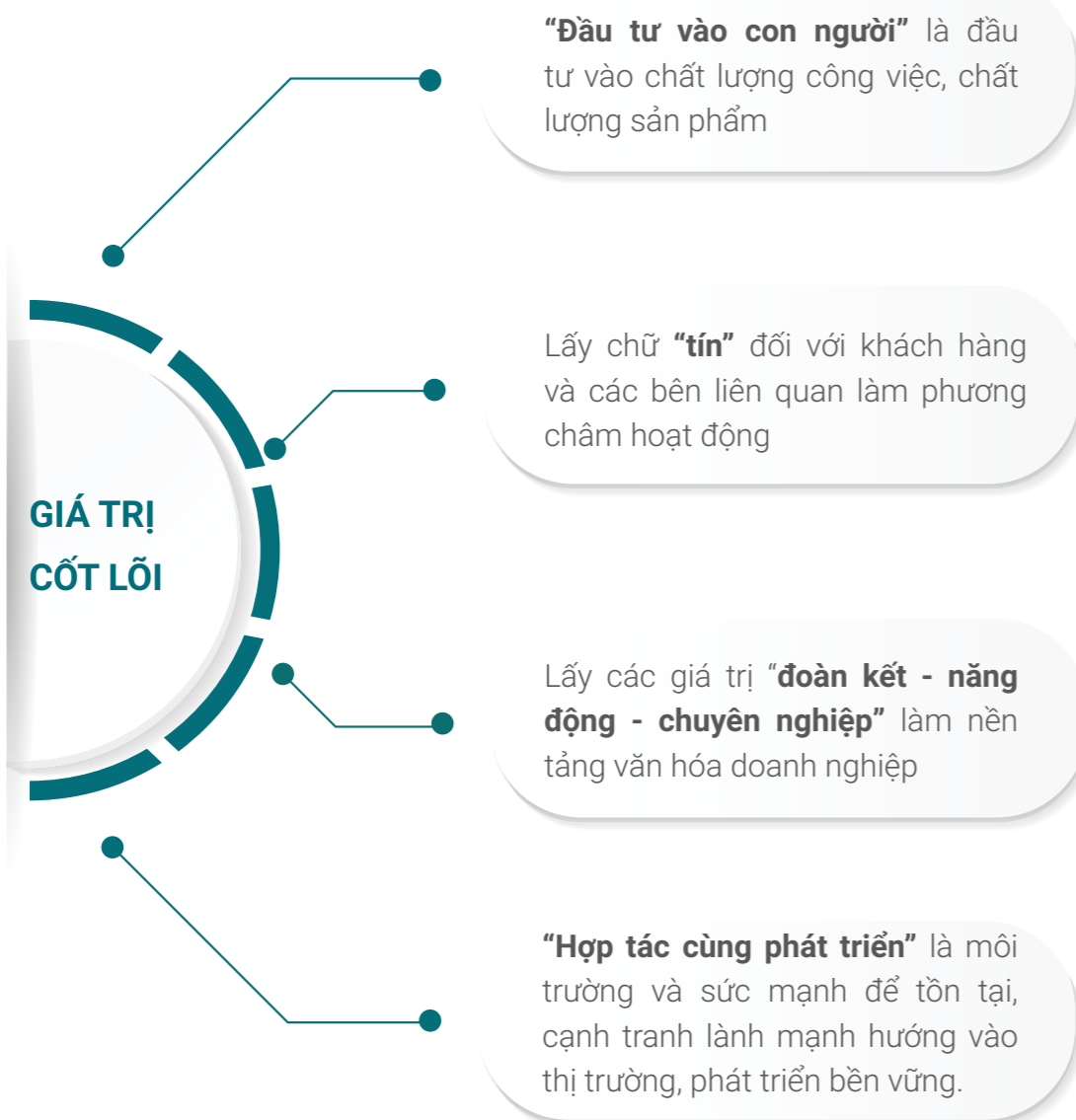


TẦM NHÌN

- Trở thành doanh nghiệp tiêu biểu vì cuộc sống lành mạnh;
- Cung cấp các dịch vụ, sản phẩm chất lượng tạo nên một môi trường kinh doanh ổn định, hội nhập và phát triển;
- Mang đến những lợi ích tốt nhất cho nhà đầu tư, quý khách hàng.

SỨ MỆNH

SEADANANG cam kết cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm/dịch vụ có chất lượng cao với tất cả sự nỗ lực, cố gắng và trách nhiệm đối với cuộc sống con người và xã hội.



MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Công ty xác định hoạt động trọng tâm của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản, luôn cải tiến để hoàn thiện và thích nghi với sự thay đổi của thị trường – khách hàng, đồng thời tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

- Là một Công ty chuyên sản xuất chế biến thủy sản, nguồn nguyên liệu của Công ty chủ yếu là thủy sản chưa qua chế biến. Do vậy SEADANANG luôn đặt yếu tố môi trường lên hàng đầu.
- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng, phấn đấu để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường. Ngoài ra, tất cả nhà máy đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động đối với môi trường.
- SEADANANG đã đầu tư, trang bị hệ thống máy, thiết bị hiện đại giúp tiết kiệm nhiên liệu, điện năng từ đó góp phần giảm khí thải gây ô nhiễm môi trường.
- Đối với các chất thải lỏng, SEADANANG trang bị hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn giúp hạn chế tối đa tác hại đến môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng ưu tiên sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường, có thể tái chế hoặc tự phân hủy để bảo vệ môi trường.
- Ngành thủy sản Việt Nam đã và đang đối mặt với nhiều vấn đề, nổi cộm là thách thức liên quan đến ô nhiễm môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, an sinh xã hội, quyền và lợi ích của người lao động... điều này có thể ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng thủy sản Việt Nam khi bán ra thị trường thế giới. Công ty đã sớm nắm bắt được yêu cầu của khách hàng quốc tế về những cam kết trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, vì vậy, từ năm 2021 đến

nay, Tiêu chuẩn BSCI (Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh) tiếp tục được duy trì tại Công ty.

- Đầu năm 2022, Công ty đã nhận được Quyết định số 28/QĐ-BQL của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng về việc phê duyệt báo cáo tác động môi trường Dự án đầu tư thiết bị chế biến thủy sản nâng công suất từ 3.700 tấn lên 6.000 tấn thành phẩm/năm. Từ quyết định này, Công ty có thể nâng quy mô hoạt động và nâng được lượng nước xả thải từ 700 m³/ngày đêm lên 900 m³/ngày đêm.
- Xác định nguồn nhân lực là “nòng cốt” cho sự phát triển của Công ty, SEADANANG luôn chú trọng nâng cao chất lượng đời sống của người lao động về cả vật chất lẫn tinh thần bằng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn. Tôn vinh những nỗ lực, cống hiến của các cá nhân trong thành công chung của Công ty.

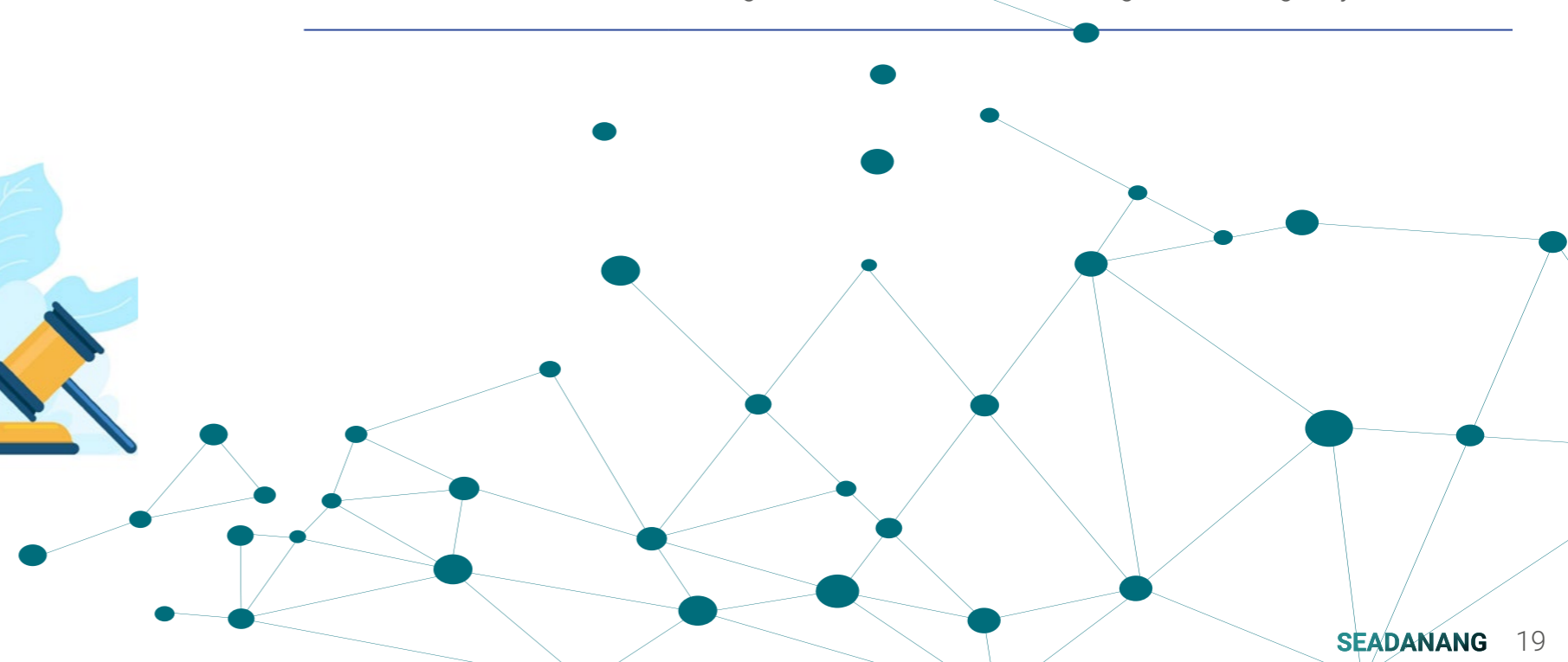


CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ SPD thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của SPD
Công ty Cổ phần Đầu tư Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	18.365.570.000	23,44%

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
Công ty Phát triển Thủy sản Nguồn lợi	Lô 7A – Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất thức ăn nuôi tôm, cá, thức ăn chăn nuôi và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, vật tư cho nghề nuôi trồng thủy sản.



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022 là một năm đầy thách thức với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, với nhiều sự kiện khó khăn như xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, các lệnh trừng phạt giữa Nga và các quốc gia phương Tây, đứt gãy chuỗi cung ứng và lạm phát. Tuy nhiên, nhờ chính sách tiền tệ và tài khóa cùng với sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 tăng 8,02%, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong đó, ngành thủy sản tăng 4,43% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù ngành thủy sản đang hồi phục nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình chế biến, xuất nhập khẩu. Doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi lạm phát, giá các nguyên phụ liệu đầu vào tăng cao, sức mua giảm, chính sách Zero Covid của Trung Quốc và các yêu cầu khắt khe về phát triển bền vững, an toàn vệ sinh thực phẩm từ các quốc gia nhập khẩu. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn phải đối mặt với những vấn đề khác như chi phí hàng tồn kho cao, chi phí nhân công tăng, thời tiết diễn biến

thất thường,...

Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, theo dõi và phân tích các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó, tìm kiếm các giải pháp thực tế, điều chỉnh kế hoạch và chiến lược phù hợp với từng giai đoạn để mang lại hiệu quả tốt nhất. Đồng thời, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng, quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội chợ ngành Thủy sản.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập và phát triển nên khó tránh khỏi có sự thay đổi hay điều chỉnh hệ thống Luật để phù hợp với thực tiễn. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp nói chung và SEADANANG nói riêng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, một số thị trường nước ngoài áp đặt các rào cản

thương mại để bảo hộ ngành khai thác trong nước, như thuế chống bán phá giá tại thị trường Mỹ đang được áp dụng cho ngành xuất khẩu tôm của Việt Nam. Các quy định về truy xuất nguồn gốc, an toàn vệ sinh thực phẩm tại các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật Bản, cũng mang đến nhiều rủi ro cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Nhận thức được những rủi ro đó,

SEADANANG liên tục cập nhật những bổ sung, sửa đổi luật từ đó chuẩn bị kỹ lưỡng và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật để giảm thiểu tác động từ những thay đổi chính sách. Ngoài ra, Công ty thường xuyên nghiên cứu và nắm vững các yêu cầu của từng thị trường nhằm lên kế hoạch ứng phó với các rủi ro trong tương lai.

RỦI RO CẠNH TRANH

Các nước như Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia... đều tập trung sản xuất và chế biến thủy sản để xuất khẩu đến các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU... Tuy nhiên, điều này sẽ gây ra tình trạng dư cung do nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường này có giới hạn, dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nước xuất khẩu thủy sản để giành được thị phần lớn hơn.

Trong khi đó, Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), thủy sản Việt Nam chưa có nhiều lợi thế về cạnh tranh giá bán so với các đối thủ nước ngoài khác. Nguyên nhân chính là giá thành nuôi tôm ở Việt Nam cao và nguồn cung chủ yếu đến từ các hộ nuôi nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch khiến chi phí tăng cao. Để tăng lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành,

Công ty tập trung vào các hoạt động kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào và đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm tại các thị trường. Công ty cũng thực hiện các chiến lược marketing, xây dựng hình ảnh, quảng bá thương hiệu nhằm duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện tại, tiếp cận các phân khúc khách hàng tiềm năng mới.

RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất là một trong những công cụ quan trọng và hữu dụng nhất của chính sách tiền tệ. Năm 2022, để kiềm chế tình trạng lạm phát gia tăng, nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất, bao gồm Mỹ. Với chính sách neo tỷ giá USD, khi đồng USD tăng giá do lãi suất Mỹ tăng, Việt Nam không thể tránh khỏi việc tăng lãi suất để giảm áp

lực về tỷ giá. Ngân hàng Nhà nước đã quyết định tăng lãi suất liên ngân hàng thêm 1% vào ngày 24/10/2022, sau lần tăng đầu tiên vào tháng 09/2022, nhằm kiềm chế lạm phát. Các lãi suất cho vay cũng sẽ điều chỉnh tăng theo mức tương ứng, gây tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp có sử dụng vốn vay ngân hàng như SEADANANG.

Để đối phó với các rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng cập nhật tình hình lãi suất và các chủ trương của Ngân hàng Nhà nước. Từ đó, Công ty đã tiến hành cơ cấu lại nguồn vốn, điều chỉnh kế hoạch và các chiến lược ngắn hạn để thích ứng với các quyết định thay đổi lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2022, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất 07 lần, đạt mức 4,25% - 4,5% kể từ tháng 03/2022, là mức tham chiếu lãi suất cao nhất của Mỹ từ tháng 12/2007. Việc này đã làm cho đồng USD tăng giá mạnh, tạo áp lực lên tỷ giá trong nước. Trước tình hình đó, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục bán USD và sử dụng các biện pháp khác để can thiệp trên thị trường ngoại hối nhằm ngăn VND mất giá quá 2% so

với USD và duy trì đến cuối năm 2022. Từ đó, tỷ lệ mất giá của đồng VND so với đồng USD vẫn duy trì ở mức thấp trong bối cảnh tỷ giá đang mất giá trên toàn thế giới. SEADANANG xuất khẩu các sản phẩm ở nhiều thị trường và quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Châu Á và Châu Âu. Vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu áp lực từ biến động của thị trường tài chính quốc tế, nhất là biến động về

tỷ giá hối đoái. Để kịp thời thích nghi với sự biến động của tỷ giá và tăng hiệu quả kinh tế, Công ty thường xuyên phân tích và dự báo tình hình điều chỉnh tỷ giá để có kế hoạch nhận đơn hàng phù hợp với từng giai đoạn, từ đó tăng biên lợi nhuận. Công ty cũng cơ cấu lại từng khách hàng và phân bổ hợp lý cho từng thị trường nhằm đạt được lợi nhuận cao hơn so với năm trước.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Các sản phẩm chính của SEADANANG không chỉ là tôm thẻ chân trắng mà còn bao gồm các loại thủy sản truyền thống khác như cá hổ, cá hồng, cá đồng, cá sòng, cá dứa... Mặc dù nguồn nguyên liệu phong phú và tươi ngon, nhưng ngành thủy sản vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, bởi vì sản lượng thủy sản phụ thuộc vào thời tiết, nguồn nước, thức ăn, chất lượng con giống và phương pháp nuôi trồng.

Năm 2022, tôm nuôi của Việt Nam bị dịch bệnh nhiều, nên mặc dù năm 2022 không phải cạnh tranh gay gắt với thương lái Trung Quốc như các năm trước do chính sách Zero Covid của Trung Quốc, giá nguyên liệu cao, hấp dẫn người nuôi. Tình trạng cung thấp hơn cầu liên tục xảy ra, giá cao là tất yếu. Đây là những thách thức lớn đối với ngành thủy sản nói chung và SEADANANG nói riêng. Để đảm bảo chất lượng nguyên

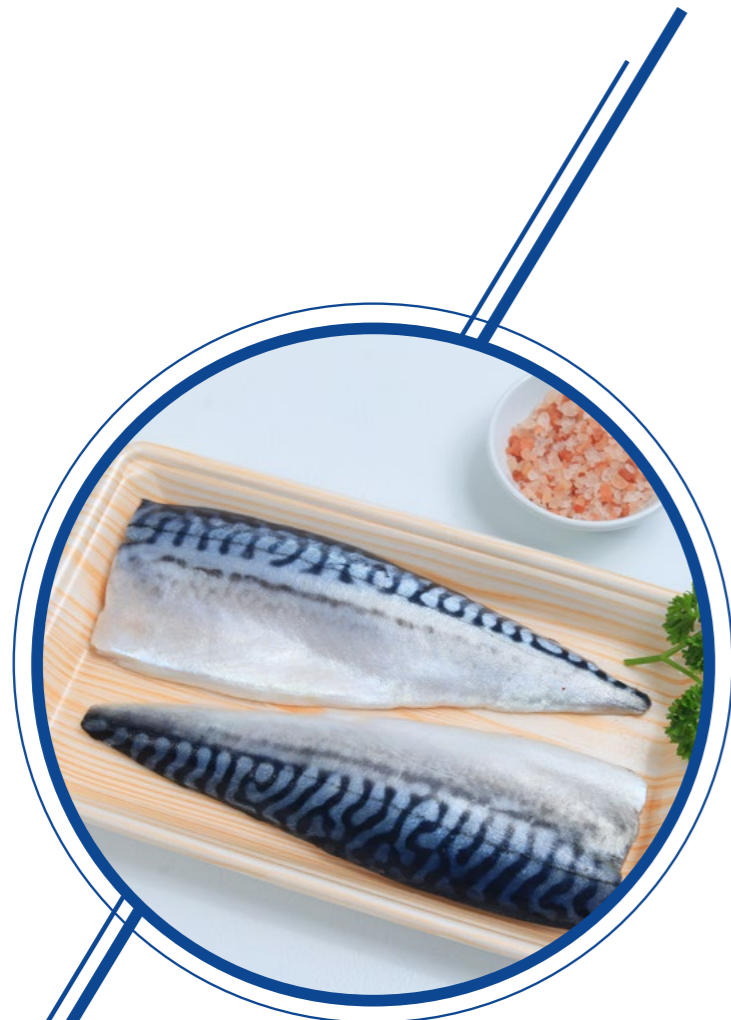
liệu đầu vào, SEADANANG tập trung kiểm soát và lên kế hoạch thu mua nguyên liệu phù hợp, nâng cao hệ thống bảo quản. Đồng thời, Công ty phối hợp với các đơn vị nuôi trồng để có nguồn dự trữ ổn định, không ngừng tìm kiếm nguồn cung mới phù hợp nhằm chuẩn bị nguyên liệu cho hoạt động sản xuất luôn ở thể chủ động nhất có thể, đồng thời thay đổi cơ cấu sản xuất phù hợp.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài những rủi ro đã nói ở trên, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung còn phải đối mặt với nhiều yếu tố bất khả kháng khác như dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai,... Dù xác suất xảy ra các rủi ro này thấp, nhưng khi xảy ra thì lại gây nhiều thiệt hại về người, tài sản và hoạt động

kinh doanh của Công ty. Do đó, SEADANANG luôn chủ động bằng cách mua bảo hiểm cho người và tài sản, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất để đảm bảo an toàn lao động. Để người lao động chủ động thoát nạn an toàn, Công ty còn tổ chức các buổi tập huấn về phòng cháy chữa cháy để nâng cao nhận

thức, hiểu biết về các kỹ năng phòng cháy chữa cháy. Thời tiết ngày càng cực đoan, thiên tai nhiều hơn, Công ty luôn chủ động thực hiện khuyến cáo của địa phương về phòng chống thiên tai để giảm thiểu thiệt hại, đảm bảo an toàn cho người và tài sản.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Doanh thu chế biến – xuất khẩu thủy sản	825.350	876.030	106,14%
Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa	1.038	-	
Doanh thu sản xuất thức ăn nuôi thủy sản	19.093	15.554	81,46%
Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho vận	13.875	12.669	91,31%
Tổng	859.356	904.253	105,22%

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động từ những sự kiện chính trị, tăng lãi suất, lạm phát cao,... tuy nhiên, nhờ vào sự đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên cùng sự quản lý, điều hành của Ban Lãnh đạo, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung ghi nhận doanh thu có sự tăng trưởng tốt, cụ thể tăng từ 859,36 tỷ đồng lên 904,25 tỷ đồng.

Mảng chế biến – xuất khẩu thủy sản

Trong bối cảnh thị trường Mỹ và EU tiêu thụ chậm những tháng cuối năm 2022, việc có được thị trường Nhật là một lợi thế. Kết thúc năm 2022, doanh thu chế biến – xuất khẩu thủy sản ghi nhận đạt 876,03 tỷ đồng, tăng 6,14% so với năm 2021. Công ty thực hiện sản lượng xuất khẩu bình quân 434 tấn/ tháng, với tôm chiếm tỷ trọng 70%, cá 30%, hàng giá trị gia tăng tăng 30,76% so với năm trước.



Mảng sản xuất – kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản

Hoạt động sản xuất thức ăn nuôi thủy sản năm 2022 chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của ngành nuôi trồng thủy sản của Việt Nam. Đặc biệt ở khu vực miền Trung, tỷ trọng tiêu thụ thức ăn tôm quá thấp, thức ăn cá tuy tiêu thụ cao hơn nhưng chi

phí đầu vào cao nên hiệu quả kém. Kết thúc năm tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu sản xuất thức ăn nuôi thủy sản đạt 15,55 tỷ đồng, tương đương giảm 18,53% so với năm 2021.

Mảng kinh doanh dịch vụ kho vận

Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho vận của Công ty ghi nhận đạt 8,38 tỷ đồng, giảm 30.81% so với năm 2021. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kho vận năm 2022 có thể nói luôn trong tình trạng căng thẳng do nhu cầu sử dụng kho tăng cao và việc kho 31 đường Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ

An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng phải gánh thêm chi phí tăng ngoài kế hoạch, cụ thể là khoản truy thu tiền thuê đất giai đoạn 2020 – 2021 là 3,60 tỷ đồng và tăng giá thuê đất năm 2022 từ 0,78 tỷ đồng lên gần 2,2 tỷ đồng.

CƠ CẤU CHI PHÍ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Giá vốn hàng bán	793.669	818.311	103,10%
Chi phí tài chính	13.150	18.460	140,38%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>12.869</i>	<i>15.461</i>	<i>120,14%</i>
Chi phí bán hàng	16.231	25.700	158,34%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.932	43.075	116,63%
Chi phí khác	851	364	42,72%
Tổng chi phí	860.833	905.910	105,24%

Năm 2022 khép lại với tổng chi phí là 905,91 tỷ đồng, tương đương tăng 5,24% so với năm tài chính 2021. Giá vốn hàng bán tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 90,33% trong tổng chi phí. Đây là thực trạng chung của các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu không có vùng nuôi trồng, nguồn cung thủy sản phụ thuộc vào các đối tác

khác. Chi phí bán hàng có sự tăng mạnh từ 16,23 tỷ đồng lên 25,70 tỷ đồng, tăng 58,34% so với năm 2021 do Công ty sử dụng các dịch vụ mua ngoài. Ngoài ra, chi phí tài chính cũng có xu hướng tăng, cụ thể từ 13,15 tỷ đồng lên 18,46 tỷ đồng, tăng 40,38% so với năm 2021 xuất phát từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	%Thực hiện/Kế hoạch 2022
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	913,42	905,00	100,93%
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	37,14	37,89	98,01%
SXKD thức ăn nuôi thủy sản				
Doanh thu	Tỷ đồng	16,24	19,22	84,50%
Sản lượng	Tấn	1.290,10	1.720,00	75,01%
Doanh thu kinh doanh kho vận, khác	Tỷ đồng	13,39	12,67	105,68%
Ban DV kho vận Đà Nẵng	Tỷ đồng	9,60	9,53	100,73%
Doanh thu khác của Công ty	Tỷ đồng	3,79	3,14	120,70%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,51	12,00	62,58%

Năm 2022 đã chứng kiến nhiều tác động lớn đến nhu cầu tiêu dùng toàn cầu do chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, cùng với những vấn đề về chính trị, chiến tranh, lạm phát và suy thoái kinh tế. Ngành chế biến thủy sản cũng không thoát khỏi tình trạng này, với việc thiếu hụt đơn hàng từ các thị trường nhập khẩu chính từ nửa sau của năm 2022, gây ra tình trạng giảm giờ làm, nghỉ luân phiên và thậm chí mất việc cho nhiều doanh nghiệp trong khi theo tiền lệ đây là thời điểm tăng tốc để hoàn thành kế hoạch và tăng thu nhập. Dù số liệu xuất khẩu của Việt Nam vẫn tăng trưởng tốt, nhưng đó là con số bình quân chung từ nhiều

ngành nghề, và cụm từ “ăn tết sớm” đã trở thành điều phổ biến hơn với nhiều nỗi buồn và lo lắng đi kèm.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn này, đội ngũ quản lý và cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung đã cố gắng nỗ lực để vượt qua khó khăn, đảm bảo kế hoạch sản xuất xuất khẩu và đạt được nhiều thành công. Điều đáng ghi nhận là công nhân của Công ty không bị thiếu việc làm trong suốt năm, kết quả kim ngạch xuất khẩu đạt 98% kế hoạch năm 2022 và tăng 10% về sản lượng và 5,58% về giá trị so với năm 2021.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại thời điểm 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Không có



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ TRẦN NHƯ THIÊN MỸ

Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 11/06/1969
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế toán Tài chính
 Quá trình công tác :
- 1991 – 11/1993 : Kế toán - Seaprodex Nha Trang
 - 12/1993 – 10/2003 : Kế toán - Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (Seaprodex Danang)
 - 11/2003 – 2006 : Thư ký, trợ lý Giám đốc - Seaprodex Danang
 - 01/2007 – 08/2007 : Phó Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư (Seaprodex Danang)
 - 09/2007 – 2009 : Phó Giám đốc Công ty Chế biến & Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang (Seaprodex Danang)
 - 01/2010 – 09/2012 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 10/2012 – 03/2017 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 03/2017 – nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 05/2017 – 04/2022 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 04/2021 – 04/2022 : Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : 0 cổ phần

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 31/12/1970
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Thống kê
 Quá trình công tác :
- 08/1994 – 04/1999 : Chuyên viên Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
 - 05/1999 – 09/2003 : Phó Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
 - 10/2003 – 12/2006 : Trưởng Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
 - 01/2007 – 09/2012 : Phó Giám đốc Công ty Chế biến & Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang
 - 10/2012 – nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 04/2020 – nay : Giám đốc Chi nhánh – Công ty chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan :

- Vợ Lê Thị Hoa nắm giữ 580 cổ phiếu, chiếm ~ 0,00% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- 90 cổ phần, chiếm ~0,00% vốn điều lệ



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LÊ THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng

Ngày sinh : 20/10/1977
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
 Quá trình công tác :

- 2000 – 2001 : Nhân viên kế toán - Công ty Bia Đà Nẵng
- 2002 – 2005 : Phó phòng kế toán, quyền kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Cam Ranh thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
- 2006 – 10/2012 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
- 10/2012 – nay : Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
 Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : 0 cổ phần

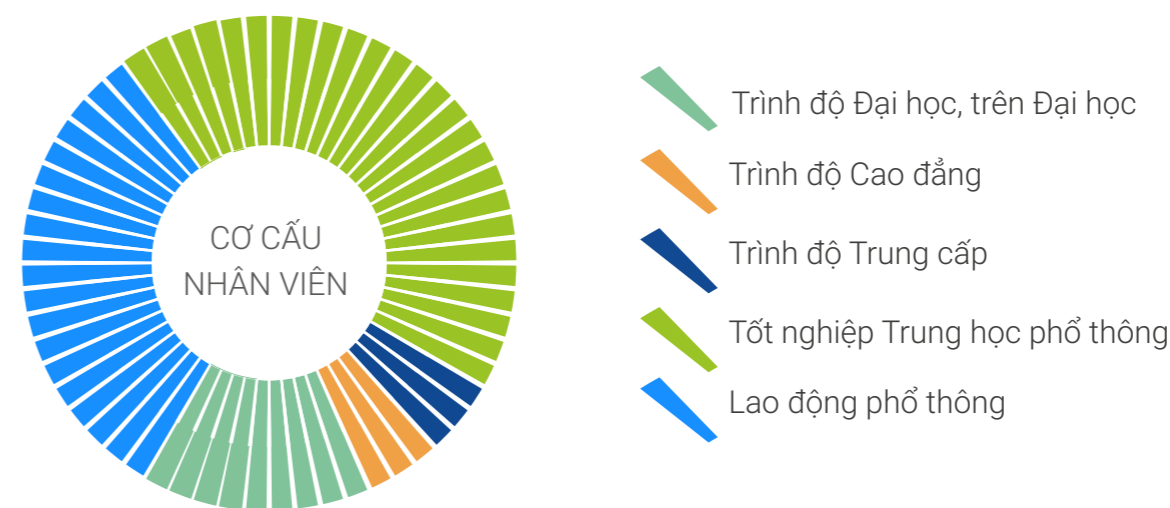


SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại thời điểm 31/12/2022

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học, trên Đại học	91	10,03%
2	Cao đẳng	33	3,64%
3	Trung cấp	33	3,64%
4	Tốt nghiệp Trung học phổ thông	400	44,10%
5	Lao động phổ thông	350	38,59%
Tổng cộng		907	100%

Tổng số lao động trực tiếp tại thời điểm cuối năm của Công ty tăng nhẹ, tăng 29 lao động trong năm 2022.



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Nguồn nhân lực được coi là trụ cột quan trọng cho sự phát triển của Công ty. Mỗi năm, Công ty đặt ra kế hoạch tuyển dụng để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch

vụ. Quá trình tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch và ưu tiên các ứng viên có năng lực, có chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp.

Về đào tạo



Tại SEADANANG, nhân sự là yếu tố cốt lõi quyết định đến sự phát triển và thành công của Công ty. SEADANANG tin tưởng rằng việc đầu tư vào con người chính là đầu tư vào tương lai của Công ty. Để tối đa hóa nguồn lực hiện có, Công ty đầu tư vào việc đào tạo nhân viên, giúp họ hiểu rõ hơn về công việc, nâng cao tay nghề và năng lực chuyên môn. Điều này giúp tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty thường xuyên đánh giá và xem xét năng lực, kỹ năng chuyên môn của từng cá nhân để bố trí họ vào các vị trí phù hợp với khả năng của mình.

Môi trường công việc

Một môi trường làm việc tốt là yếu tố quan trọng để thúc đẩy năng suất của nhân viên trong một doanh nghiệp. Vì vậy, SEADANANG luôn chú trọng tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, và năng động để giúp nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động, Công ty cũng trang bị đầy đủ các máy, thiết bị, phương tiện làm việc và phương tiện bảo hộ cá nhân.



Về cơ hội thăng tiến

Bên cạnh lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo thu nhập cho người lao động, Công ty đã thiết lập kế hoạch sử dụng nhân lực và lộ trình nghề nghiệp cụ thể cho từng vị trí chức danh, đảm bảo cơ hội thăng tiến công bằng cho tất cả nhân viên. Với lộ trình này, mỗi nhân viên được xác định rõ vị trí hiện tại của mình trong Công ty, được định hướng phát triển kỹ năng và kiến thức phù hợp để thăng tiến lên các vị trí cao hơn và nâng cao năng lực chuyên môn.

Về lương, thưởng

SEADANANG luôn đặt chính sách lương thưởng lên hàng đầu trong mối quan tâm của mình. Công ty luôn tuân thủ chính sách lương thưởng theo quy định của pháp luật lao động và các văn bản hiện hành. Ngoài ra, các chế độ thu nhập và tiền thưởng của người lao động được xác định theo nguyên tắc minh bạch và công bằng, dựa trên các yếu tố như thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của từng cá nhân.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về phúc lợi, đãi ngộ

SEADANANG đánh giá sự lớn mạnh của doanh nghiệp dựa trên chính sách tốt và tạo điều kiện tối ưu cho mọi nhân viên trong Công ty. Để thúc đẩy nguồn nhân lực nâng cao chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, cống hiến lâu dài, Công ty cung cấp các chế độ bảo hiểm và chế độ làm việc như sau:

- Công ty cam kết và thực hiện rất tốt việc người lao động sau khi ký hợp đồng đều được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.
- Công tác bảo hiểm của Công ty trong những năm qua được thực hiện tốt, kịp thời. Việc đóng các chế độ bảo hiểm xã hội trong giai đoạn dịch bệnh vẫn được thực hiện đầy đủ.
- Công ty hỗ trợ 100% các suất ăn cơm ca, các chế độ bồi dưỡng độc hại, chống nóng, bổ sung Vitamin và khoáng chất vào những thời điểm nắng nóng để bảo đảm sức khỏe cho người lao động.
- Hằng năm toàn thể cán bộ công nhân viên được tổ chức khám sức khỏe định kỳ (2 lần).
- Công ty hỗ trợ cấp phát đồng phục và trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân nhằm đảm bảo an toàn cũng như phục vụ tốt nhất cho quá trình làm việc.
- Vào những dịp Lễ, Tết Nguyên đán, Tết Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung thu, ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, Công ty đều tặng quà (hiện vật và/ hoặc tiền), tổ chức ăn tươi, cho CBCNV và/hoặc cho các con em của người lao động, thưởng cho con của người lao động có thành tích cao trong học tập.
- Công ty còn áp dụng việc hỗ trợ lao động có hoàn cảnh khó khăn hoặc khó khăn đột xuất.
- Ngoài ra, Công ty luôn ủng hộ công tác từ thiện tại địa phương.
- Vào các dịp sự kiện lớn như kỷ niệm ngày thành lập Công ty (các năm chẵn), Công ty tiến hành tổ chức những hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động tham quan du lịch nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, tự hào về Công ty, cũng như tạo cơ hội cho người lao động có điều kiện tái tạo sức lao động sau một thời gian làm việc cống hiến cho Công ty.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án đầu tư hoàn thành trong năm 2022

Danh mục dự án	Mức đầu tư được duyệt (triệu đồng)	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Nghiệm thu hoàn thành	Ghi chú
Dự án đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho tôm (NQ HĐQT số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 17/05/2022)	7.150	6.935,5	Tháng 11/2022	Đã có báo cáo kiểm toán hoàn thành
Dự án đầu tư mở rộng thêm mặt bằng nhà máy chế biến thủy đặc sản DL10 (NQ HĐQT số 07A/2022/NQ-HĐQT ngày 03/06/2022 và NQ HĐQT số 10A/2022/NQ-HĐQT ngày 14/07/2022)	3.063	2.903,45	Tháng 12/2022	
Tổng cộng	10.213	9.838,95		

Góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	SPD sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn điều lệ SPD thực góp (đồng)
Công ty Cổ phần Long Hậu (LHG)	137.910	0,28%	2.121.607.440

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tên	Giá gốc (đồng)	Giá trị sổ sách (đồng)
Trái phiếu ICB (*)	500.000.000	500.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 50 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu +0,8%/năm, được chấp thuận mua vào ngày 21/06/2018.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Chỉ tiêu	SPD sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn điều lệ SPD thực góp (đồng)
Công ty Cổ phần Đầu tư New City Seadanang	1.836.557	23,44%	18.365.570.000

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	452.643	469.965	103,83%
2	Doanh thu thuần	858.642	901.325	104,97%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.112	6.497	208,77%
4	Lợi nhuận khác	195	1.012	518,97%
5	Lợi nhuận trước thuế	3.307	7.510	227,09%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.245	7.510	603,21%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Trong năm 2022, SEADANANG đã đạt được những thành quả nhất định theo sự tăng trưởng chung của ngành. Kết thúc năm 2022, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 901,325 tỷ đồng, tương đương tăng 4,97% so với năm 2021. Nguyên nhân xuất phát từ việc xuất khẩu 6 tháng đầu năm tăng rất mạnh do tình trạng xuất trả đơn hàng tồn đọng của năm trước. Lợi nhuận từ

hoạt động kinh doanh của Công ty ghi nhận đạt 6,497 tỷ đồng, tăng 108,77% so với năm trước. Bên cạnh đó, lợi nhuận khác của SEADANANG có sự tăng trưởng mạnh, cụ thể đạt 1,012 tỷ đồng, tăng 4,19 lần so với năm trước. Do đó, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận đạt 7,51 tỷ đồng, tương đương tăng 5,03 lần so với năm 2021.


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

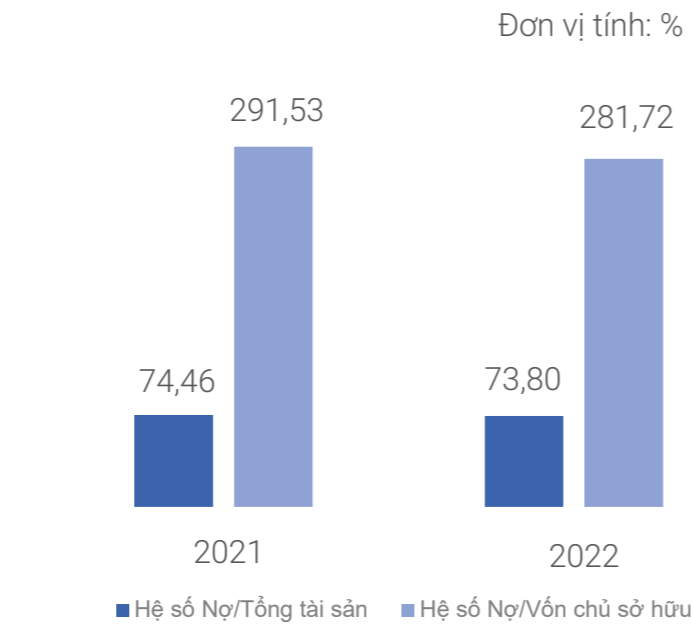
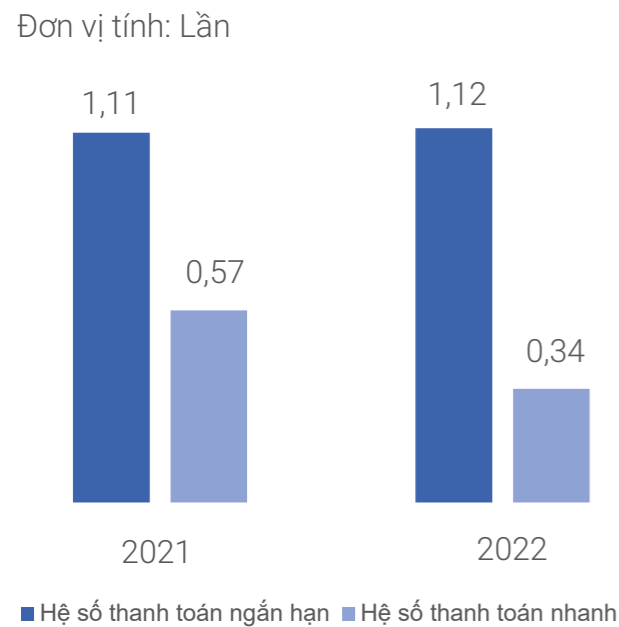
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,11	1,12
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,57	0,34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,46	73,80
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	291,53	281,72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,79	3,80
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,12	1,95
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,15	0,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,08	6,10
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,31	1,63
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,36	0,72

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 có sự tăng nhẹ so với năm 2021. Nợ ngắn hạn và Tài sản ngắn hạn đều có xu hướng tăng nhưng Tài sản ngắn hạn có tốc độ tăng cao hơn so với Nợ ngắn hạn. Hệ số tiếp tục duy trì lớn hơn 1, cho thấy Công ty vẫn có đủ khả năng thanh toán các khoản Nợ ngắn hạn và đang dần cải thiện khả năng thanh toán. Mặc khác, Hệ số thanh toán

nhANH có xu hướng giảm, từ 0,57 lần xuống còn 0,34 lần. Nguyên nhân chính là do khoản mục Hàng tồn kho tăng lên 258,85 tỷ đồng, tương đương tăng 50,85% so với năm trước. Đồng thời, Hàng tồn kho chiếm 69,99% trong tổng Tài sản ngắn hạn do đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh mà nguồn nguyên liệu phải được dự trữ ở mức nhất định.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

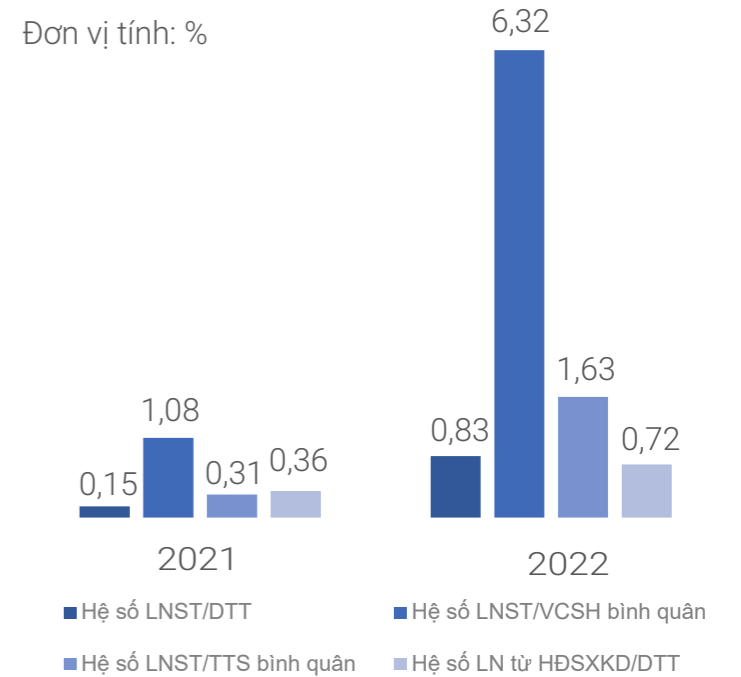
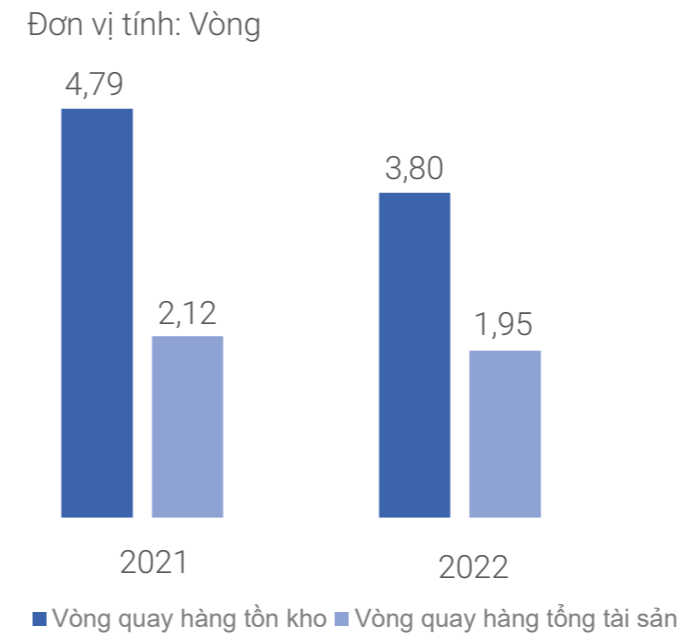
Trong năm, Hệ số nợ trên tổng Tài sản giảm từ 74,46% xuống còn 73,80%, Hệ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 291,53% xuống còn 281,72%. Mặc dù khoản Nợ phải trả được ghi nhận tăng 2,91% so với năm 2021, ghi nhận 346,85 tỷ đồng nhưng tốc độ tăng của tổng Tài sản và Vốn chủ sở hữu cao hơn Nợ phải trả. Cụ thể, tổng Tài sản được ghi nhận tăng 3,83% so với năm 2021,

tương đương tăng từ 452,64 tỷ đồng lên 469,97 tỷ đồng. Đồng thời, Vốn chủ sở hữu được ghi nhận tăng từ 115,61 tỷ đồng lên 123,12 tỷ đồng, tương đương tăng 6,50% so với năm 2021 do Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 tăng mạnh với 7,51 tỷ đồng. Do đó, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có xu hướng giảm.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Kết thúc năm 2022, Vòng quay hàng tồn kho giảm còn 3,8 vòng và Vòng quay tổng tài sản giảm còn 1,95 vòng. Trong năm 2022, Giá vốn hàng bán của Công ty tăng tương ứng với tốc độ tăng Doanh thu, cụ thể Công ty ghi nhận Giá vốn hàng bán đạt 818,31 tỷ đồng, tăng 3,10% so với năm trước. Mặc dù Giá vốn hàng bán có xu hướng tăng nhưng tốc độ tăng trưởng thấp hơn Hàng tồn kho với mức ghi nhận đạt 258,85 tỷ đồng, tương đương tăng 50,85% so với cùng

kỳ năm ngoái. Tương tự, Doanh thu thuần với mức tăng trưởng đạt 5,22%, tương đương tăng từ 859,36 tỷ đồng lên 904,25 tỷ đồng có tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với tổng Tài sản. Tổng Tài sản của Công ty được ghi nhận có xu hướng tăng, cụ thể từ 452,64 tỷ đồng lên 469,97 tỷ đồng, tương đương tăng 3,83% so với cùng kỳ năm trước, do đó tổng Tài sản bình quân tăng 14,08% so với năm 2021. Vì vậy, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều có xu hướng giảm nhẹ.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhờ sự thích ứng linh hoạt, chủ động và nỗ lực, SEADANANG đã ghi nhận mức Lợi nhuận sau thuế cao, cụ thể đạt 7,51 tỷ đồng, tăng hơn 5,03 lần so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chủ yếu đến từ doanh thu chế biến – xuất khẩu thủy sản, Do đó, các hệ số khả năng sinh lời của SEADANANG đều tăng mạnh so với năm 2021:

- + Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt 0,15%, tăng 0,83%;
- + Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân 1,08%, tăng 6,10%;
- + Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân đạt 0,31%, tăng 1,63%
- + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần đạt 0,36%, tăng 0,72%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 12.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 12.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 12.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu	: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày: 22/03/2023

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	209	11.996.800	119.968.000.000	99,97%
Cá nhân	203	5.480.673	54.806.730.000	45,67%
Tổ chức	6	6.516.127	65.161.270.000	54,30%
Cổ đông nước ngoài	2	3.200	32.000.000	0,03%
Cá nhân	2	3.200	32.000.000	0,03%
Tổ chức	-	-	-	-
Tổng cộng	211	12.000.000	120.000.000.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

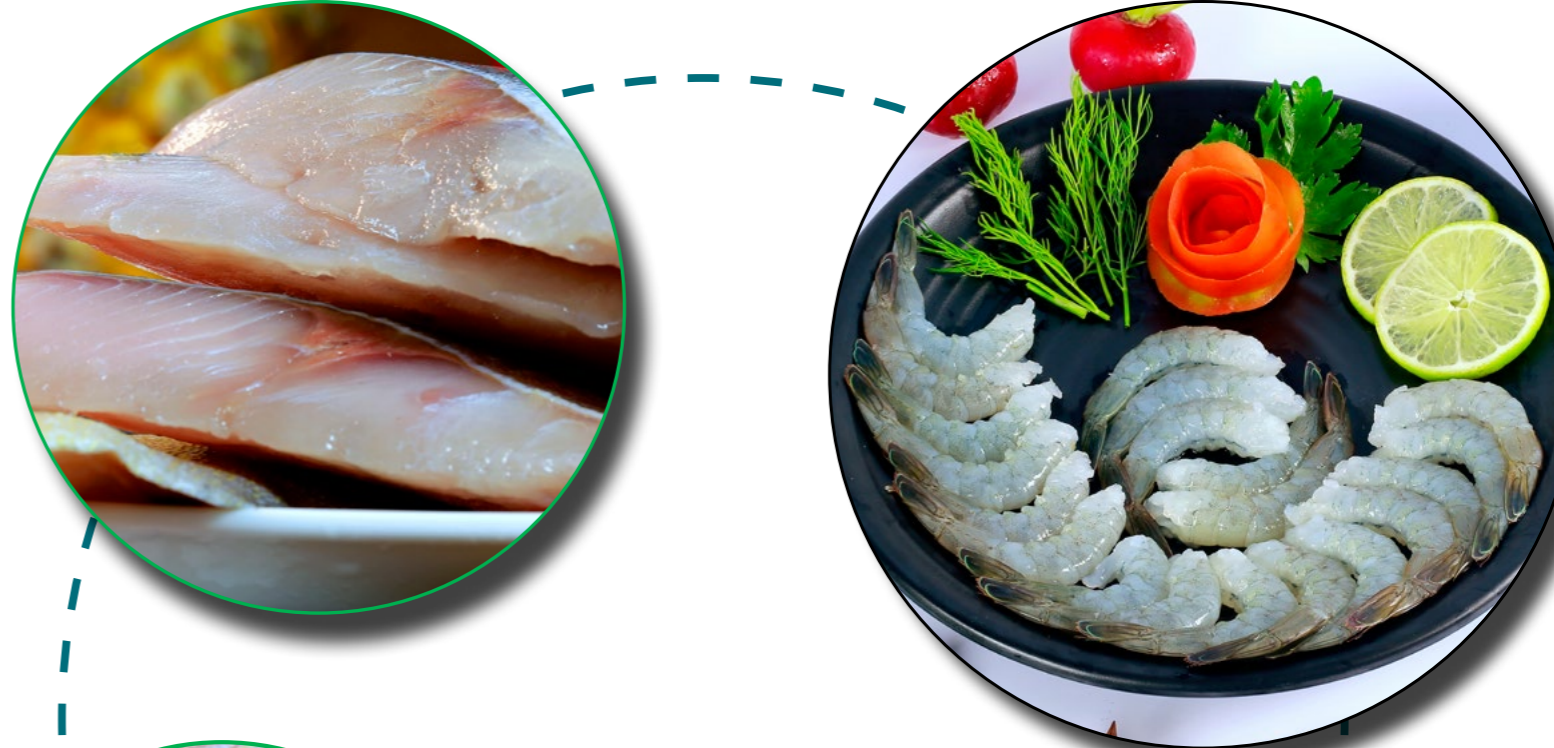
Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã nhận thức được rằng bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp, mà còn là nền tảng cốt lõi để phát triển bền vững trong tương lai. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh phải liên quan chặt chẽ đến bảo vệ môi trường, là điều kiện tiên quyết trong mỗi chiến lược và kế hoạch phát triển của Công ty. Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty còn tiếp tục đổi mới công nghệ phù hợp với thực tế,

trang bị các máy, thiết bị tiết kiệm năng lượng để giảm thiểu các chất thải phát sinh. Công ty kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và định hướng phát triển bền vững. Đồng thời, trong mọi hoạt động, Công ty luôn ưu tiên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Bằng cách này, Công ty hy vọng sẽ góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường thêm xanh, sạch, đẹp.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức được tính cấp thiết về công tác bảo vệ môi trường, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường và không vi phạm liên quan đến môi trường trong năm vừa qua. Đồng thời, Công ty cũng phổ biến kiến thức về môi trường cho cán bộ và nhân viên để

nâng cao nhận thức và hiểu biết về vấn đề này. SEADANANG không ngừng tìm kiếm các giải pháp thực tế để giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty chuyên chế biến và xuất khẩu thủy sản, vì vậy khối lượng thủy sản tiêu thụ là rất lớn. Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên liệu thủy sản được kiểm tra chất lượng, nhập kho đúng quy trình. Công ty luôn chú ý đến công tác bảo quản để đảm bảo không xảy ra các trường hợp hư hỏng hoặc suy giảm chất lượng nguyên liệu trong quá trình lưu trữ và sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty ưu

tiên sử dụng các loại bao bì xanh, có khả năng tái chế hoặc tự phân hủy nhanh trong môi trường tự nhiên để đóng gói sản phẩm. Để tối ưu hóa nguồn nguyên vật liệu, Công ty không ngừng nghiên cứu và khuyến khích nhân viên có những sáng kiến tái sử dụng hoặc sử dụng mức phù hợp nhất để tăng hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường xung quanh.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong năm 2022, tổng mức năng lượng Công ty tiêu thụ là 9,1 triệu kwh, tương đương với số tiền là 16,17 tỷ đồng. Trong bối cảnh thế giới bất ổn cả về kinh tế và chính trị nên giá năng lượng toàn cầu tăng cao, vì vậy tiết kiệm năng lượng lại càng trở nên quan trọng hơn. Đây là một vấn đề cấp thiết, được nhiều doanh nghiệp quan tâm, bao gồm Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung. Do đó, Công ty không ngừng tìm kiếm các biện pháp để tối ưu hóa chi phí tiêu thụ năng lượng và bảo vệ môi trường, phát triển xanh bền vững. Ngoài việc giảm năng lượng hao phí và nâng cao ý thức sử dụng điện, Công ty đã ứng dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại trong sản xuất nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng năng lượng. Tiết kiệm năng lượng vừa giúp Công ty giảm chi phí đồng thời tăng tính cạnh tranh trên thương trường.



TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty sử dụng nước chủ yếu cho các nhà máy sản xuất, trung bình mỗi tháng, Công ty tiêu thụ khoảng 22.000 m³ nước. Công ty luôn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng đảm bảo việc tiêu hao nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra. Công ty đã trang bị hệ thống xử lý nước thải với công suất 1.000 m³/ngày đêm, đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng tiêu chuẩn QCVN 11:2015/BTNMT. Việc quản lý chất thải rắn và rác sinh hoạt được thực hiện một cách hợp lý, có đơn vị có đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định tránh tình trạng mùi hôi gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và cộng đồng.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



SEADANANG nhận thức rõ rằng sự hiện diện của Công ty sẽ ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường và cộng đồng tại địa phương cũng như toàn quốc. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu kinh doanh, SEADANANG cũng quan tâm đến cộng đồng, bảo vệ môi trường và tạo ra những giá trị sống toàn diện hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng. SEADANANG tin rằng việc thực hiện trách nhiệm với xã hội sẽ mang lại những thay đổi tích cực và lâu dài cho cộng đồng, góp phần cho sự phát triển của đất nước. Từ đó, cả cộng đồng và SEADANANG sẽ cùng phát triển bền vững và đạt được sự thịnh vượng.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Số lượng người lao động bình quân năm (người)	682	765	958	945
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.204.235	8.714.062	9.607.626	9.192.432

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công tác bảo hiểm của Công ty trong những năm qua được thực hiện tốt, kịp thời. Việc đóng các chế độ bảo hiểm xã hội trong giai đoạn dịch bệnh vẫn được thực hiện đầy đủ.
- Công ty hỗ trợ 100% các suất ăn cơm ca, các chế độ bồi dưỡng độc hại, chống nóng, bổ sung Vitamin và khoáng chất vào những thời điểm nắng nóng để bảo đảm sức khỏe cho người lao động.
- Hằng năm toàn thể cán bộ công nhân viên được tổ chức khám sức khỏe định kỳ (2 lần).
- Công ty hỗ trợ cấp phát đồng phục và trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân nhằm đảm bảo an toàn cũng như phục vụ tốt nhất cho quá trình làm việc.
- Vào những dịp Lễ, Tết Nguyên đán, Tết Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung thu, ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam Công ty đều tặng quà (hiện vật và/ hoặc tiền), tổ chức ăn tươi, cho CBCNV và/ hoặc cho các con em của người lao động, thưởng cho con của người lao động có thành tích cao trong học tập.
- Công ty còn áp dụng việc hỗ trợ lao động có hoàn cảnh khó khăn hoặc khó khăn đột xuất.
- Ngoài ra, Công ty luôn ủng hộ công tác từ thiện tại địa phương.
- Vào các dịp sự kiện lớn như kỷ niệm ngày thành lập Công ty (các năm chẵn), Công ty tiến hành tổ chức những hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động tham quan du lịch nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, tự hào về Công ty, cũng như tạo cơ hội cho người lao động có điều kiện tái tạo sức lao động sau một thời gian làm việc cống hiến cho Công ty.



Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực là một hoạt động thường xuyên và cần thiết đối với SEADANANG. Công nhân có kỹ năng, học hỏi, trau dồi từ thực tế lao động và đáp ứng được yêu cầu trong quá trình sản xuất là mục tiêu mà Công ty hướng đến. Do đó, Công ty xây dựng đội ngũ Cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm đào

tạo tay nghề và huấn luyện sử dụng máy, thiết bị cho nhân viên, người lao động từ những ngày đầu làm việc. Hoạt động đào tạo thực hiện không chỉ nhằm mục đích nâng cao năng lực nhân viên mà còn giúp tạo lập cho từng cá nhân một kế hoạch phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Thị trường vốn xanh là một trong những cơ sở hạ tầng phục vụ đầu tư xanh, định hướng phát triển các sản phẩm tài chính. Quy chế hoạt động cho thị trường vốn xanh nhằm hỗ trợ việc vốn cho các chương trình, dự án, các hoạt động sản xuất - kinh doanh thân thiện với môi trường, các biện pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi

khí hậu. Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển, SEADANANG sẽ cập nhật và tiếp thu những thông báo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời nghiên cứu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững cho Công ty.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2022

Thuận lợi

- Với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã nhận được nhiều giấy chứng nhận chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Ngoài ra, Công ty đã trang bị một phòng LAB có khả năng tự kiểm tra các tiêu chuẩn về vi sinh và kháng sinh để đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm của Công ty;
- Bên cạnh các chứng nhận quốc tế như BRC phiên bản 8, HACCP, ISO 9001-2015, ISO 22000-2018, ASC, Công ty đã được đánh giá Tiêu chuẩn BSCI (về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp) và duy trì hệ thống từ năm 2021 đến nay;
- Công ty đầu tư và sử dụng nhà máy hiện đại, tự động hóa, thân thiện với môi trường và đảm bảo chất lượng sản phẩm cao. Các nhà máy chế biến của Công ty được thiết kế chuyên nghiệp, có năng lực kho lạnh lên đến 4.000 tấn, với nhiệt độ luôn đạt tiêu chuẩn -20 độ C, đáp ứng tốt cho việc bảo quản và truy xuất sản phẩm;
- Nhờ cải tiến điều kiện sản xuất, nhà máy và quản lý, Công ty đã nhận được đánh giá tốt từ phía khách hàng, giúp thị trường xuất khẩu tương đối đa dạng và ổn định qua các năm, từ đó đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới về cả chiều rộng và chiều sâu;
- Đội ngũ lãnh đạo và quản lý cấp phòng của Công ty phần lớn đều có chuyên môn tốt, nhiệt tình và sở hữu nhiều kinh nghiệm với ngành nghề. Để đảm bảo sự tiếp nối và đào tạo cho tương lai, Công ty đã tuyển dụng thêm đội ngũ trẻ để cùng làm việc. Với sự kết hợp giữa kinh nghiệm và sự tươi trẻ, bộ máy hoạt động của Công ty hiện đang ổn định và phát triển tốt.

Khó khăn

- Chiến tranh giữa Nga và Ukraine cùng với các lệnh trừng phạt của Nga và phương Tây đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giá hàng hóa tăng, lạm phát, sức mua giảm... làm tăng chi phí xuất khẩu, số lượng đơn hàng vào thị trường Mỹ, EU bị hạn chế;
- Vốn Công ty phần lớn là vốn vay, trong khi chính sách của các ngân hàng lại đang yêu cầu các doanh nghiệp tăng mức đảm bảo nợ vay bằng tài sản cũng như lãi suất có xu hướng tăng dẫn đến có khả năng khó đáp ứng được các yêu cầu và chi phí tài chính biến động mạnh;
- Do ảnh hưởng từ tính chất của ngành, nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất phụ thuộc vào nhiều thời vụ, dễ bị biến động khi thời tiết, khí hậu thay đổi;
- Nhà xưởng, máy móc thiết bị của SEADANANG đã qua nhiều năm sử dụng, nên việc đầu tư trong các năm qua cũng chưa thể đồng bộ, còn nhiều hạng mục phải tiếp tục thay đổi.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới nhiều khó khăn do ảnh hưởng của xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động lãi suất, lạm phát, các quốc gia đã áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, làm giảm sức mua hàng hóa. Tuy nhiên, nhờ sự đoàn kết cùng với các chiến lược, kế hoạch phù hợp thực tiễn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó:

- Với kết quả kinh doanh năm 2022, cả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều có xu hướng tăng trưởng, cụ thể doanh thu thuần đạt 901,32 tỷ đồng, tăng 4,97% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế đạt 7,51 tỷ đồng, tăng 5,03 lần so với cùng kỳ năm trước.
- Công ty liên tục nâng cao chất lượng nhân viên qua các chương trình đào tạo và đảm bảo cuộc sống vật chất, tinh thần của các cán bộ nhân viên trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp cắt giảm nhân sự.
- Công ty nỗ lực duy trì tình hình tài chính ổn định, chủ động bố trí và sử dụng vốn hợp lý.
- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty và thực hiện nghiêm túc các quy định tài chính và nghĩa vụ đối với Nhà nước.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	TH 2022/TH 2021
Tài sản ngắn hạn	356.995	78,87%	371.573	79,06%	104,08%
Tài sản dài hạn	95.648	21,13%	98.391	20,94%	102,87%
Tổng tài sản	452.643	100%	469.965	100%	103,83%

Mặc dù Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2022 nhưng nhờ nỗ lực của toàn doanh nghiệp, công tác quản trị tài sản vẫn có những điểm sáng. Tổng Tài sản tăng, cụ thể từ 452,64 tỷ đồng lên 469,97 tỷ đồng, tương đương tăng 3,83% so với năm trước. Cơ cấu tài sản có sự điều chỉnh nhẹ, trong đó tỷ trọng Tài sản ngắn hạn chiếm 79,06% tổng Tài sản và tỷ trọng Tài sản dài hạn chiếm 20,94% tổng Tài sản. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Tài sản ngắn hạn của Công ty ghi nhận đạt 371,57 tỷ đồng, tăng 4,08% so với cùng thời điểm năm 2021. Nguyên nhân

chính có sự tăng này là do Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tăng 54,62% so với cùng kỳ 2021, tương đương ghi nhận 243,61 tỷ đồng và trong năm Công ty dự trữ 13,03 tỷ đồng nguyên liệu, phụ liệu, tăng 4,65% so với năm 2021. Về phía Tài sản dài hạn, Công ty ghi nhận đạt 98,39 tỷ đồng, tăng 2,87% so với thời điểm kết thúc năm tài chính 2021 chủ yếu do Công ty đầu tư vào Tài sản cố định. Đối với nhà cửa, vật kiến trúc, Công ty ghi nhận 79,87 tỷ đồng, tăng 3,77% so với năm trước. Đối với máy móc, thiết bị, Công ty đã đầu tư 174,87 tỷ đồng, tăng 5,05% so với năm 2021.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	TH 2022/TH 2021
Nợ ngắn hạn	323.055	95,85%	332.450	95,85%	102,91%
Nợ dài hạn	13.979	4,15%	14.396	4,15%	102,98%
Tổng nợ phải trả	337.034	100%	346.846	100%	102,91%

Kết thúc năm 2022, tổng Nợ phải trả của SEADANANG tăng 2,91% so với năm trước, tương đương tăng từ 337,03 tỷ đồng lên 346,85 tỷ đồng. Cơ cấu Nợ phải trả không có sự thay đổi so với năm 2021. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tỷ trọng Nợ ngắn hạn chiếm 95,85% và Nợ dài hạn chiếm 4,15% trên tổng Nợ phải trả. Trong đó, Nợ ngắn hạn của Công ty ghi nhận 332,45 tỷ đồng, tăng 2,91% so với cùng năm trước do Công ty gia tăng các khoản Vay tài chính ngắn hạn bằng đồng USD trong bối cảnh giảm

vay ngắn hạn bằng đồng VND, cụ thể, Công ty vay 24,09 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ngoài ra, Công ty tiếp tục gia tăng các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam lần lượt là 15,14 tỷ đồng, 45,72 tỷ đồng và 45,17 tỷ đồng. Về phía Nợ dài hạn, Công ty ghi nhận tăng từ 13,98 tỷ đồng lên 14,40 tỷ đồng, tăng 2,98% so với năm 2021.

STT	Đơn vị	Dư nợ gốc (đồng)	Dự phòng tại 31/12/2022
1	DNTN TM DV XNK Hợp Thành Công	2.022.218.557	2.022.218.557
2	CT TNHH TM Tân Vinh Thái	3.740.318.824	3.740.318.824
TỔNG CỘNG		5.762.537.381	5.762.537.381

Công nợ của DNTN DV XNK Hợp Thành Công và Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái đã chuyển về Công ty từ cuối năm 2021, đến nay (31/12/2022) Công ty đã thực hiện dự phòng hết 100%. Trong thời gian qua, Công ty đã cố gắng hết sức làm

việc với các công nợ trên, họ đều đang tiến hành bán tài sản để trả nợ và việc thu nợ đang có hy vọng tiến triển theo hướng này vì hoạt động kinh doanh của các đơn vị này đã gần như không còn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2022, Công ty đã tiếp tục triển khai các chính sách cải tiến cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý. Các nhà máy và phòng ban quản lý được phân quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn theo quy định. Từ đó, giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự và khuyến khích sự sáng tạo của quản lý cấp dưới.

Công ty tiếp tục tập trung vào chính sách người

lao động như một trong những chính sách trọng điểm. Nhân viên có trình độ chuyên môn cao, được đánh giá tốt về hiệu suất làm việc sẽ được khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển bản thân tại Công ty. Các chính sách tài chính, bán hàng, cung ứng nguồn lực, phương thức thưởng/phạt và các chính sách khác sẽ được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty đã nhiều lần gửi công văn đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang về việc yêu cầu cung cấp báo cáo tài chính nhằm đánh giá giá trị khoản đầu tư. Tuy nhiên đến nay, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính của các năm trước, gồm 2020, 2021, 2022 của Công ty CP Đầu tư New City Seadanang. Bên cạnh đó, Công ty CP Đầu tư New City Seadanang chưa được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán và cũng không

có các nguồn thông tin về báo cáo tài chính trên website.

Do không thu thập được thông tin về báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022 để đánh giá giá trị khoản đầu tư, xem xét trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn (nếu có) theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Nên Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ về khoản đầu tư vào Công ty liên kết này.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Để hoàn thành được những chỉ tiêu đề ra, Ban Lãnh đạo đã đặt ra một số định hướng hoạt động cho năm 2023, theo đó:

- Kế hoạch bán hàng của Công ty được xác định trên cơ sở đánh giá thực hiện 2022, chủ động giảm một số mặt hàng và chủ động tăng một số mặt hàng theo hướng:
 - » Giảm dần các mặt hàng giản đơn;
 - » Tăng dần tỷ trọng hàng giá trị gia tăng.
- Về thị trường, Công ty vẫn đặt kế hoạch tập trung cho thị trường Nhật và bắt đầu chuẩn bị cho thị trường Châu Âu với hàng giá trị gia tăng.
- Về nguyên liệu, kế hoạch sản xuất của Công ty cho năm 2023 được đánh giá là khả thi với khối lượng nguyên liệu thực hiện thấp hơn so với năm 2022, tôm nguyên liệu tươi sẽ vẫn gặp nhiều thách thức vì phụ thuộc vào tình hình nuôi tôm tại Việt Nam. Giá nguyên liệu cho kế hoạch năm 2023 được tính dựa trên mức giá trung bình của năm 2022, bởi giá nguyên liệu đã cao trong 9 tháng đầu năm và thấp vào những tháng cuối năm do tình hình thị trường xấu.
- Về lao động trực tiếp, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, quan tâm đầy đủ về mặt vật chất và tinh thần để họ yên tâm làm việc, tạo sự gắn kết và sự hài lòng của người lao động, đồng thời giúp nâng lực cạnh tranh trong nguồn lực lao động của Công ty tốt hơn.
- Đầu tư, nâng cấp nhà xưởng, trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm từ đó giúp nâng cao uy tín hàng hóa của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Ở Việt Nam, ngành chế biến thủy sản cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và không chỉ phụ thuộc vào loại hình chế biến mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như quy mô sản xuất, sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, mùa vụ, trình độ công nghệ sản xuất, trình độ tổ chức quản lý sản xuất và nhiều yếu tố khác. Nếu chế biến thủy sản không được xử lý thích hợp, nó có thể gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước và các vấn đề khác. Do đó, bảo vệ môi trường luôn là vấn đề mà SEADANANG quan tâm. Với mỗi sản

phẩm tạo ra, Công ty không chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường.

Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện nghiêm ngặt quy trình sản xuất, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho công nhân làm việc tại Công ty. Đối với SEADANANG, công tác bảo vệ môi trường là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững bởi Công ty nhận thức rõ bảo vệ môi trường không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty mà còn tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

SEADANANG xem việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một sự đầu tư dài hạn và là nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Do đó, Công ty luôn tập trung vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực một cách toàn diện. Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện và cơ hội để nhân viên thể hiện và khẳng định bản thân, giúp họ tìm ra định hướng nghề nghiệp phù hợp. SEADANANG cam kết đảm bảo đầy đủ phương tiện và công cụ cho người lao động, thường xuyên nhắc nhở về công tác an toàn, vệ sinh lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của các nhân viên thông qua việc cải thiện năng suất làm việc, tăng thu nhập, điều chỉnh chính sách lương thưởng, chế độ nghỉ lễ, phép, chế độ nghỉ ốm, thai sản, tham gia các bảo hiểm được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật cũng như điều chỉnh giờ làm phù hợp với thực tế.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty hiểu rõ rằng cộng đồng là một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Vì vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn tự nhận thức và thực hiện trách nhiệm xã hội của mình một cách nghiêm túc trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty không ngừng nỗ lực thực hiện các hoạt động xã hội có ý nghĩa, thiết thực, có tính toàn vẹn và xã hội hóa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.



4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Chế biến - Xuất khẩu thủy sản

Năm	Sản lượng xuất khẩu (tấn)	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	% so với năm trước về sản lượng xuất khẩu	% so với năm trước về kim ngạch xuất khẩu
2020	3.918,95	28,78	118,30%	109,39%
2021	4.738,81	35,18	120,90%	122,23%
2022	5.208,31	37,14	109,90%	105,60%

Kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 3 năm (2020-2022) là 33,70 triệu USD mỗi năm, tăng trưởng trung bình 28,10% so với năm 2019. Tỷ trọng hàng giá trị gia tăng tăng nhanh hơn tốc độ tăng của kim ngạch xuất khẩu, cho thấy sự tăng trưởng đạt được mang tính bền vững và phù hợp với xu hướng nhu cầu của thị trường cũng như với kế hoạch đầu tư của Công ty. Điều này chứng tỏ rằng Công ty đã thực hiện đúng định hướng phát triển được quyết định bởi Hội đồng quản trị.

Về thị trường

Trong top 5 thị trường xuất khẩu Tôm của Việt Nam, Mỹ vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn nhất dù có sự sụt giảm đến 23% so với năm trước, tiếp đến là EU với tăng trưởng 13%, Nhật Bản ở vị trí thứ 3 với mức tăng trưởng 16%. Trong bối cảnh thị trường Mỹ và EU tiêu thụ chậm những tháng cuối năm 2022, việc có được thị trường Nhật là một lợi thế. Diễn biến thế mạnh thị trường thực sự phụ thuộc từng tình hình cụ thể, bởi ở các thị trường chính, lớn khác, Công ty vẫn còn những hạn chế nhất định, như vụ kiện chống bán phá giá tôm của Mỹ (Công ty bị áp thuế suất toàn quốc), khó vào EU vì còn hạn chế bởi các chứng nhận vốn phải bắt buộc có vùng nuôi đạt chuẩn chất lượng... Diễn biến khách hàng của Công ty 3 năm qua khá ổn, hầu hết đều có sự tăng trưởng. Tuy sự tập trung đang ở thị trường Nhật, nhưng lại là lợi thế của Công ty trong năm 2022 – khi thị trường Mỹ giảm sút mạnh và EU nhiều khó khăn vì chiến tranh, lạm phát nên tiêu dùng giảm, xuất khẩu 6 tháng đầu năm tăng rất mạnh do tình trạng xuất trả đơn hàng tồn đọng của năm trước, nhưng sau đó giảm sút mạnh. Mặt khác, Công ty vẫn có hạn chế lớn về vùng nuôi nên khả năng đáp ứng đủ điều kiện vào EU trở nên khó khăn hơn. Úc là thị trường có sự tăng trưởng lớn trong năm 2022 (>40%) so với năm trước nhưng Công ty chưa mạnh dạn thâm nhập vì rủi ro virus đốm trắng, trong khi năng lực tài chính của Công ty không mạnh sẽ trở nên mạo hiểm.



Về nguyên liệu

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, nguyên liệu chiếm đến hơn 80% giá thành, trong khi đó, diễn biến nguyên liệu năm 2022 có rất nhiều thay đổi, không giống các năm: Tôm nguyên liệu tăng 5,08% so với năm trước; Cá nguyên liệu chỉ bằng 45,46% so với năm trước (giảm 246,84 tấn) và cá gia công tăng 58,28% (tăng 1.485,60 tấn) so với năm trước khiến nhu cầu sử dụng kho lạnh tăng rất cao, nhất là vào mùa Tôm, cá saba. Tình hình thiếu đơn hàng, tồn kho cao xảy ra trên diện rộng, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều

nước, khiến giá nguyên liệu có giảm ở tháng 11, 12/2022, nhưng tình hình tài chính của các doanh nghiệp lúc đó đều đã ở tình trạng căng thẳng nên cơ hội không được phát huy tốt nhất. Tình hình giá tăng nhanh chóng trở lại từ khi có thông tin Trung Quốc “mở cửa trở lại” sau Covid, cho đến nay. Bức tranh nguyên liệu thế giới và Việt Nam cho thấy Công ty cũng đã nỗ lực trong việc chuẩn bị nguyên liệu cho hoạt động sản xuất luôn ở thể chủ động nhất có thể.

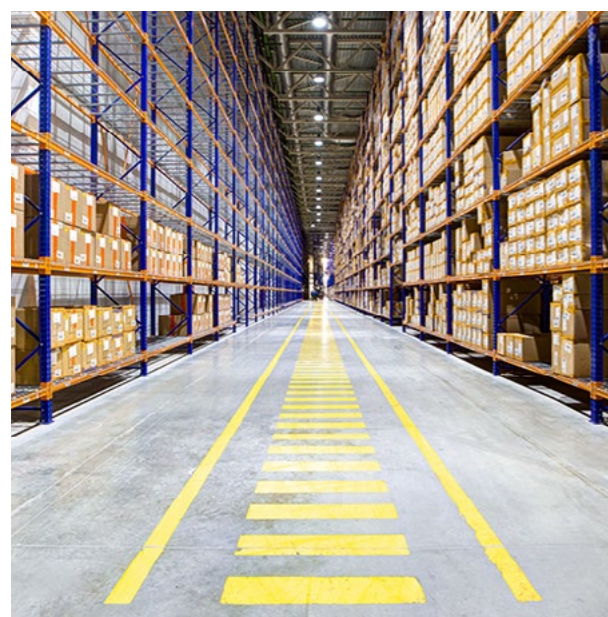
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh kho vận

Chỉ tiêu	KH 2022	Năm 2022	Năm 2021	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	10,00	9,60	10,68	95,97	89,84
Hiệu quả (tỷ đồng)	2,00	-2,83	2,58	-	-

Năm 2022, đơn vị kinh doanh dịch vụ kho vận đã đạt doanh số 9,6 tỷ đồng, giảm nhẹ so với kế hoạch ban đầu và lỗ khoảng 2,83 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh kho vận trong năm 2022 đã gặp nhiều khó khăn do các nguyên nhân sau:



- Nhu cầu sử dụng kho tăng cao trong khi nguồn kho của Công ty hạn chế;
- Khu đất có Kho lạnh tại 31 đường Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng bị thu hồi, phải gánh thêm chi phí tăng ngoài kế hoạch, gồm khoản Cục Thuế Đà Nẵng truy thu tiền thuê đất năm 2020-2021 là 3,60 tỷ đồng và tăng giá thuê đất trong năm 2022 từ 0,78 tỷ đồng lên gần 2,2 tỷ đồng;
- Doanh thu giảm do việc khu đất thuê tại 31 Ngũ Hành Sơn có quyết định thu hồi và nhu cầu lưu trữ hàng gia công, hàng dự trữ của Công ty tăng cao.



Hoạt động của đơn vị Công ty Phát triển nguồn lợi Thủy sản

Chỉ tiêu	KH 2022	Năm 2022	Năm 2021	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	1.720,00	1.290,10	1.781,00	75,01	72,44
Tổng doanh thu bán hàng (tỷ đồng)	20,00	16,24	19,40	81,18	83,70
Hiệu quả (tỷ đồng)	0,80	-0,043	0,792	-	-

Hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản năm 2022 đã phải chịu tác động trực tiếp của ngành nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam, đặc biệt là ở khu vực miền Trung. Tỷ trọng tiêu thụ thức ăn tôm rất thấp, trong khi đó, chi phí đầu vào của thức ăn cá rất cao. Mặc dù thị phần tiêu thụ thức

ăn nuôi thủy sản ở Việt Nam cao nhưng được nắm giữ chủ yếu bởi các Công ty nước ngoài, gây ra sự cạnh tranh khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt trong lĩnh vực này. Dù sao, đây vẫn là sự cố gắng của một đơn vị nhỏ, chỉ với 25 cán bộ công nhân viên và trang thiết bị sản xuất đã cũ.



Việc đóng Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh đã dừng hoạt động theo nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 22/11/2021 của Hội đồng quản trị. Công ty đã và đang tiến hành các thủ tục cần thiết với các

cơ quan hữu quan để đóng mã số thuế, tuy nhiên dù đã đăng ký quyết toán thuế ngay khi có động quyết định dừng hoạt của Chi nhánh, nhưng đến nay vẫn chưa được xếp lịch.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN CỦA CÔNG TY

Đến 31/12/2022, số liệu đầu tư tài chính dài hạn của Công ty gồm :

- Tại Công ty CP Đầu tư New City Seadanang: Công ty nắm giữ 1.836.557 cổ phần.
- Tại Công ty CP Long Hậu: Công ty nắm giữ 137.910 cổ phần.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

- Công ăn việc làm được đảm bảo, chưa có ngày nào thiếu việc dù tình hình chung của các doanh nghiệp bị thiếu đơn hàng rất nhiều, công nhân phải nghỉ Tết sớm và tình trạng thất nghiệp gia tăng về cuối năm.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các thoả ước lao động tập thể, trả lương đúng hạn và đời sống tinh thần của CBCNV cũng được chú trọng nâng từng bước qua các sinh hoạt thể dục thể thao (tổ chức giải bóng đá), nghỉ dưỡng (30/4, 1/5), tham quan nước ngoài (dành cho đội ngũ quản lý dịp cuối năm dương lịch). Bữa ăn ca được thay đổi đa dạng và tăng cường phù hợp với sản xuất, chế biến của Công ty.
- Các hoàn cảnh khó khăn luôn được Công ty, Công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi và chia sẻ kịp thời.
- Công ty được UBND thành phố Đà Nẵng tặng bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong chăm lo đời sống người lao động – năm 2022”
- Quan hệ nội bộ Công ty luôn được chú trọng xây dựng trên nền tảng tập trung vào công việc chung, con người cởi mở hơn và ý thức xây dựng tốt hơn, chia sẻ, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau phát triển. nề nếp sinh hoạt trong Công ty được duy trì tốt ở các cuộc họp tuần, tháng, xử lý theo nhóm, nên thông tin đầy đủ và giải quyết các vấn đề kịp thời, kế hoạch sản xuất luôn được bám sát thực hiện.



VỀ CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG, XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

- Công tác thị trường được chú trọng, đã tổ chức được một đợt tham gia hội chợ thủy sản quốc tế tại Singapore (Công ty có gian hàng riêng).
- Công ty được khách hàng truyền thống đánh giá tốt nên đã tăng sản lượng, mặt hàng, đặt biệt hàng giá trị gia tăng được tăng lên so với năm trước, có những bước đi phù hợp với thị trường, sự thay đổi của Công ty và đào tạo tay nghề cho người lao động. Quan hệ khách hàng của Công ty có thể nói là khá tốt.
- Mặc dù đang tập trung ở thị trường Nhật, nhưng đang phù hợp với tình hình chung và năng lực của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang cố gắng mở rộng thêm thị trường EU.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Quan hệ với các ngân hàng với Công ty khá tốt. Với tinh thần chủ động và vượt khó, cùng với việc cố gắng quay vòng vốn nhanh, Ban điều hành Công ty đã linh động sử dụng các hình thức vay vốn để đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn tăng lên của Công ty trong thời gian qua, đảm bảo tiến độ trả nợ, không xảy ra sự cố nào.
- Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và thực hiện vay vốn đầu tư lãi suất ưu đãi thấp (6,5%/ năm trong 5 năm đầu tư) với Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng, sử dụng cho dự án đầu tư máy phân cỡ công nghệ cao của Công ty, hỗ trợ rất tốt cho việc tăng năng suất chế biến hàng giá trị gia tăng của Công ty, giảm được nhiều lao động.
- Dự trữ nguyên liệu được thực hiện đảm bảo cho sản xuất liên tục cho các mặt hàng Công ty có chế biến để xuất khẩu, trong khi tình hình nguyên liệu có rất nhiều khó khăn, dịch bệnh nhiều và sản lượng giảm.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT 31 NGŨ HÀNH SƠN

Những năm qua Công ty đã rất cố gắng trong việc xin được tiếp tục thuê khu đất 31 Ngũ Hành Sơn để duy trì sản xuất kinh doanh, các cơ quan hữu quan cũng đã nhiều lần xem xét, nhưng kết quả cuối cùng vẫn không được gia hạn thuê, khu đất 31 Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng bị thu hồi trên cơ sở:

- Thông báo số 10/TB-UBND ngày 11/02/2020 về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng;
- Quyết định số 2515/QĐ-UBND của UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 26/09/2022 về việc thu hồi đất đối với khu đất của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung tại số 31 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn;
- Thông báo số 107/TB-BGPMB ngày 06/10/2022 của Ban Giải phóng mặt bằng về việc đo đạc, kiểm đếm để thực hiện thu hồi đất của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn theo quy hoạch của UBND Thành phố.
- Từ ngày 11- 18/10/2022, Ban Giải phóng mặt bằng thuộc UBND Quận Ngũ Hành Sơn đã thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm và đã ban hành 05 biên bản kiểm đếm bồi thường thiệt hại do nhà nước thu hồi đất.
- Công ty đã cố gắng rất nhiều trong việc kiến nghị xin miễn/ giảm tiền thuê đất bị truy thu cho các năm 2020, 2021, 2022 (hơn 5 tỷ đồng) do hết thời hạn hợp đồng thuê đất từ 31/12/2019, tuy nhiên không được chấp thuận (do thực hiện đúng luật định).
- Công ty cũng đã cố gắng đề nghị các cấp chính quyền (Sở Tài nguyên Môi Trường, UBND Thành phố Đà Nẵng) để Công ty được hỗ trợ tiền di dời khỏi khu đất 31 Ngũ Hành Sơn nhưng vẫn không được (do đã hết thời hạn thuê đất từ 31/12/2019), Công ty sẽ tiếp tục kiến nghị đến UBND Thành phố Đà Nẵng.
- Công ty đã thực hiện công tác kiểm kê, xác lập danh mục chuyển một số máy móc thiết bị và vật tư về Công ty (tại 01 Bùi Quốc Hưng, P.Thọ Quang) để tận dụng và danh mục thanh lý.

VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

SEADANANG luôn hướng tới việc xây dựng hình ảnh một Công ty thân thiện với môi trường. Để đạt được điều này, Công ty thực hiện nghiêm ngặt các quy trình sản xuất và kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, đồng thời đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho công nhân tại Công ty. SEADANANG đã hoàn thành các phê duyệt của cơ quan chức năng về phòng cháy chữa cháy, chứng nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Công ty cũng liên tục nỗ lực để diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn quy định, từ đó tạo ra không gian thoáng mát, cải thiện điều kiện khí hậu, ngăn bụi phát tán và giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Ngoài ra, Công ty còn có hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm, đảm bảo chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 11:2015/BTNMT. Chất thải rắn và rác sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định tránh phát tán mùi hôi ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và khu vực lân cận.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng Giám đốc Công ty có 02 thành viên (01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc). Các thành viên Ban Tổng Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ học vấn từ bậc đại học trở lên, có đạo đức tốt, gắn bó với Công ty nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty nên có kinh nghiệm về ngành nghề.
- Với tinh thần chủ động, luôn bám sát kế hoạch sản xuất và tình hình thị trường, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, chưa có ngày nào thiếu việc dù tình hình chung của các doanh nghiệp bị thiếu đơn hàng rất nhiều, công nhân phải nghỉ Tết sớm và tình trạng thất nghiệp gia tăng về cuối năm.
- Quan hệ khách hàng của Công ty luôn được Ban điều hành chú trọng, xây dựng trên nền tảng uy tín đối với cả nhà cung cấp và khách hàng đầu ra. Vì vậy, Công ty được khách hàng truyền thống đánh giá tốt nên đã tăng sản lượng, mặt hàng, đặt biệt hàng giá trị gia tăng được tăng lên so với năm trước, có những bước đi phù hợp với thị trường, sự thay đổi của Công ty và đào tạo tay nghề cho người lao động.
- Quan hệ nội bộ Công ty luôn được chú trọng xây dựng trên nền tảng tập trung vào công việc chung, ý thức xây dựng văn hoá Công ty tốt hơn, chia sẻ, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau phát triển. Nề nếp sinh hoạt trong Công ty được duy trì tốt, tính kỷ luật luôn được củng cố.
- Với một doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn vay như Công ty thì việc tạo một mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng là một lợi thế. Với tinh thần chủ động và vượt khó, cùng với việc cố gắng quay vòng vốn nhanh, Ban điều hành Công ty đã linh động sử dụng các hình thức vay vốn để đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn tăng lên của Công ty trong thời gian qua, đảm bảo tiến độ trả nợ, không xảy ra sự cố nào. Trong năm nay, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và thực hiện vay vốn đầu tư lãi suất ưu đãi thấp (6,5%/ năm trong 5 năm đầu tư) với Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng, sử dụng cho dự án đầu tư máy phân cỡ công nghệ cao của Công ty.
- Vượt qua năm 2021 khó khăn bởi dịch bệnh, bước vào năm 2022 với nhiều gian nan nhưng Ban điều hành đã nỗ lực, đoàn kết, có những chỉ đạo điều hành kịp thời, bám sát kế hoạch, tối ưu sản xuất, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị, mặc dù kết quả cuối cùng chưa thể hiện được như mong đợi. Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THUỶ SẢN 2023

CƠ HỘI

- Lĩnh vực dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, du lịch... đã và đang tiếp tục mở cửa ở nhiều thị trường sau đại dịch Covid-19. Vì vậy, nhu cầu thực phẩm sẽ tăng, thúc đẩy tiêu thụ thủy sản nói chung, tôm nói riêng ở các hệ thống, chuỗi dịch vụ...
- Sau sụt giảm mạnh nhu cầu từ các thị trường lớn của thủy sản trong Quý 3, Quý 4/2022, sẽ có quy trình mua lại khi tồn kho giảm.
- Nếu Cục dự trữ Liên Bang Mỹ (FED) không tiếp tục tăng lãi suất, lạm phát sẽ giảm và nhu cầu tiêu dùng sẽ tăng lên.
- Ở Nhật Bản, chính sách tiền tệ, lãi suất có thể thay đổi sau thời gian 2022 đồng JPY đã bị mất giá 15% (Theo phân tích của Bloomberg).



THÁCH THỨC

Có thể nói, chưa năm nào các thách thức trong kinh doanh và nền kinh tế toàn cầu lại nhiều và lớn như năm nay, đáng kể là:

- Các thị trường nhập khẩu thủy sản lớn đều giảm nhu cầu mạnh từ Quý 3, Quý 4/2022 (Mỹ có mức tăng trưởng âm 13% sau 9 tháng 2022) sau khi tăng mạnh ở 6 tháng đầu năm (do thực hiện các đơn hàng cũ của năm 2021 kẹt lại vì đại dịch Covid-19), thực tế này làm tồn kho ở các thị trường tăng mạnh, dẫn đến hiện nay các đơn hàng thiếu trầm trọng.
- FED đã tăng lãi suất từ trên 0% ở đầu năm 2022 lên mức dự báo 5% vào cuối năm nay, và có thể sẽ tăng lên 6% vào đầu năm 2023, khiến thị trường lao động rơi vào tình trạng khủng hoảng và ảnh hưởng lên nền kinh tế toàn cầu. Khó khăn sẽ nhân rộng trên toàn thế giới, vì hầu hết quốc gia đều có chung vấn đề lạm phát và các ngân hàng trung ương cũng đang đi theo con đường tương tự FED để khắc phục.



- Rủi ro toàn cầu khác là sự phân cực của thế giới, vốn đã gây ra những cái giá đắt đỏ cho châu Âu. Việc ủng hộ Ukraine đã khiến lục địa này rơi vào tình trạng thiếu khí đốt và giá điện tăng vọt. Bloomberg Economics dự báo, chi phí năng lượng cao và việc Ngân hàng Trung ương châu Âu tăng lãi suất sẽ đẩy khối này vào suy thoái vào năm 2023. Với một chút may mắn (thời tiết tốt) và kỹ năng tốt (các chính sách đưa khí đốt khan hiếm đến đúng nơi), Châu Âu có thể tránh được suy thoái. Nếu không có cả hai, kinh tế châu Âu sẽ co lại tương đương với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.
- Kinh tế Trung Quốc được dự báo có thể tăng trưởng 5,7% cho năm 2023. Nếu mở cửa lại nền kinh tế sau dịch, sẽ có động lực tăng trưởng. Tuy nhiên, liệu nước này sẽ có thay đổi chính sách chống dịch hay không vẫn chưa rõ. Nếu tăng trưởng của Trung Quốc vẫn chậm lại thì sẽ gây ảnh hưởng khắp thế giới.
- Có thể có những rủi ro khác, như một biến thể mới nguy hiểm hơn của Covid-19 sẽ là một đòn giáng mạnh. Tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan dự kiến trở nên thường xuyên hơn khi nhiệt độ toàn cầu tăng lên, ảnh hưởng lớn đến ngành nuôi trồng thủy sản.
- Các chi phí đầu vào của sản xuất kinh doanh sẽ tăng cao theo diễn biến khủng hoảng năng lượng, chiến tranh, lạm phát, lãi suất tăng, và các hình thái thời tiết cực đoan.
- Thẻ vàng IUU vẫn chưa được EU gỡ bỏ cho thủy sản Việt Nam.
- Không chỉ thiếu đơn hàng, các doanh nghiệp hiện giờ cũng đang phải đối mặt với khó khăn chưa từng có trong hoạt động sản xuất kinh doanh do thiếu vốn, hoạt động thực sự chông chênh.
- Tôm Việt Nam cạnh tranh trực tiếp với Tôm Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, Thái Lan ở các thị trường, hiện nay không chỉ ở các mặt hàng có độ chế biến giản đơn, mà đã bắt đầu với những mặt hàng chế biến sâu. Quý 3 và Quý 4/2022, khi thị trường Mỹ không nhận hàng, không mua hàng, các đơn hàng bị thiếu hụt nghiêm trọng, sự cạnh tranh bộc lộ rõ nhất khi các doanh nghiệp từ các nước này đổ dồn vào Nhật với mức giá chào thấp chưa từng có.
- Nhiều quốc gia khác trong khu vực cũng đã xúc tiến đàm phán hiệp định thương mại tự do với EU để khai thác thị trường tiềm năng này, áp lực cạnh tranh sẽ gia tăng dần.

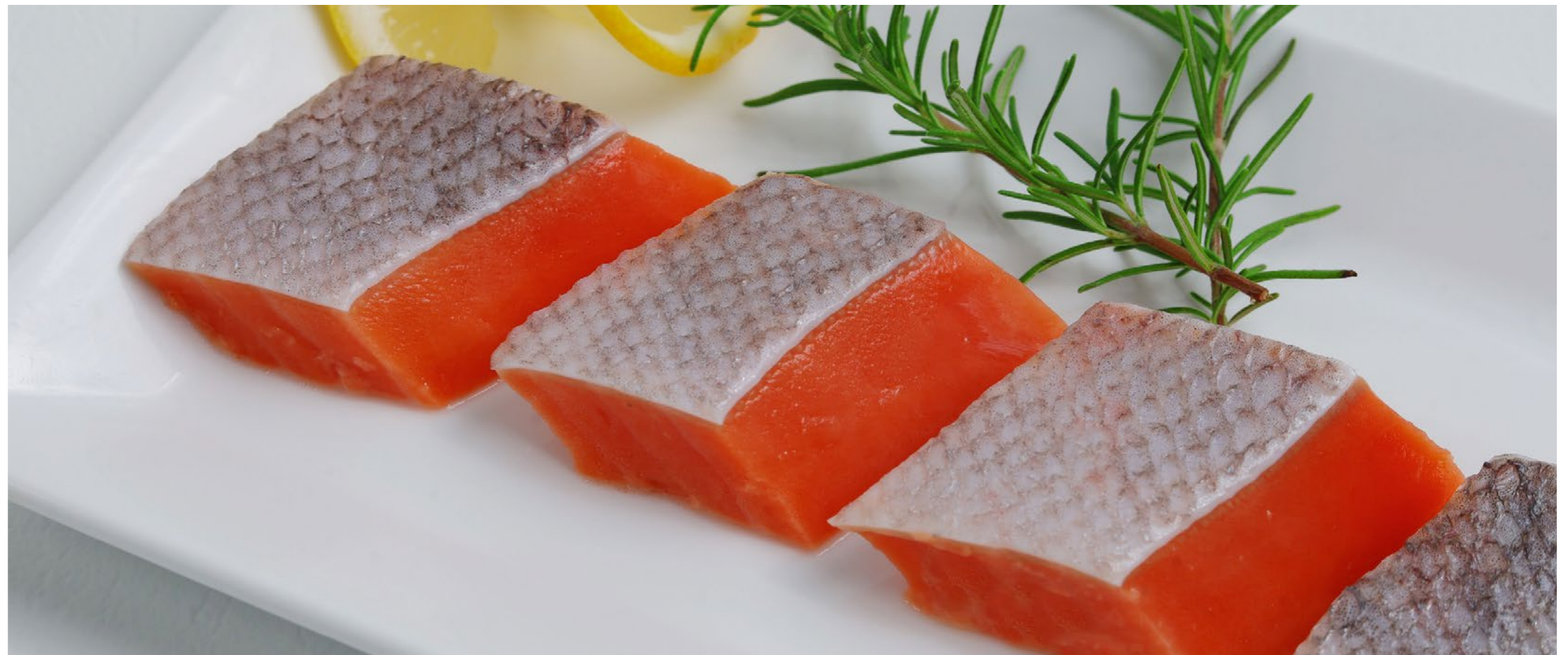
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỂM MẠNH CỦA SPD

- » Vị trí địa lý tại Miền Trung tạo cho SEAD-ANANG những đặc điểm riêng có đối với nguyên liệu Tôm đang là thị hiếu của khách hàng Nhật;
- » Có sự tập trung đầu tư cho sản xuất trong những năm qua, máy móc thiết bị được bổ sung theo hướng giảm bớt sự lệ thuộc vào sức người và ý thức người lao động, tăng năng lực chế biến, năng lực cấp đông;
- » Kiểm soát kháng sinh tốt, ổn định;
- » Môi trường nhà máy kháng trang hơn rất nhiều;
- » Khách hàng đánh giá tốt về việc cải tiến điều kiện sản xuất và quản lý của Công ty, mở ra nhiều cơ hội mặt hàng mới và sản lượng đặt hàng tăng lên. Năm 2022, SEADANANG đứng thứ 4 trong top 10 doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thủy sản vào Nhật;
- » Tỷ trọng hàng giá trị gia tăng đã được tăng lên qua các năm, phù hợp với nhu cầu của khách hàng và tình trạng cạnh tranh;
- » Dự án mở rộng Xưởng cá hoàn thành năm 2022, năm 2023 năng lực sản xuất Xưởng chế biến Cá có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của khách hàng;
- » Chính sách Công ty với người lao động khá tốt, phong phú nên được xem như là có điều kiện giữ chân được người lao động, hỗ trợ tuyển dụng lao động;
- » Đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, quản lý cấp phòng đa số đều có chuyên môn tốt, nhiệt tình, nhiều cán bộ công nhân viên làm việc lâu năm tại Công ty nên có vốn kinh nghiệm khá với ngành nghề, đã bổ sung đội ngũ trẻ tuổi để đào tạo tiếp nối, kế cận; bộ máy khá ổn định;
- » Công ty đang triển khai thêm các phần mềm quản lý;
- » 100% xuất khẩu nên mục tiêu doanh số 1.000 tỷ đồng đã có tính khả thi hơn - đây là mục tiêu phấn đấu của Công ty trong nhiều năm qua, khi các hoạt động đóng góp doanh số lớn không còn nữa và từ thực lực sản xuất của Công ty.

ĐIỂM YẾU/HẠN CHẾ CỦA SPD

- » Nguyên liệu Miền Trung có hạn chế về sản lượng, do tác động nhiều bởi yếu tố thời tiết.
- » Công ty không có vùng nuôi nên không thể chủ động trong việc xây dựng các giá trị của các chứng nhận như ASC, Global GAP, BAP. Trong khi đó, các chứng nhận luôn được nâng cấp yêu cầu qua từng năm và là điều kiện cần của hàng giá trị gia tăng vào EU...
- » Đất đai Công ty tại Công ty (01 Bùi Quốc Hưng, Đà Nẵng) đang được thuê trả tiền hàng năm nên vừa thiếu tính ổn định, vừa hạn chế về mặt tài sản thế chấp;
- » Vốn Công ty chủ yếu là vốn vay;
- » Thị trường Nhật chiếm tỷ trọng lớn tại SEAD-ANANG, nhưng với quy mô nhà máy của Công ty không lớn, mặt hàng của Công ty vẫn là lựa chọn phù hợp nhất đối với thị trường Nhật, khi EU cần các điều kiện liên quan đến nuôi trồng cao hơn, khi Mỹ đòi hỏi quy mô sản lượng lớn hơn rất nhiều...



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2022	KẾ HOẠCH 2023	KH 2023/ KH2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	913,42	950,00	104,00%
2	Xuất khẩu	Triệu USD	37,14	38,00	102,31%
3	Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	10,35	10,50	101,44%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,51	9,00	119,84%

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Với môi trường kinh doanh đã trình bày, kế hoạch đặt ra cho 2023 thật sự cao, áp lực hoàn thành lớn, nhưng được xây dựng trên sự đánh giá thận trọng và quyết tâm của Công ty, sẽ tập trung ở các giải pháp sau:

- Đảm bảo hợp đồng đầu ra cho sản xuất liên tục;
- Đảm bảo nguồn lực lao động;
- Tăng thêm một cách thận trọng tỷ trọng thị trường EU;
- Linh hoạt trong khai thác các nguồn thu mua nguyên liệu để đáp ứng các đơn hàng và nhu cầu dự trữ;
- Mục tiêu lớn là sản phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Cải tiến liên tục trong sản xuất;
- Quay nhanh vòng vốn, thu hồi công nợ.

Số liệu trên cho thấy để thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023, Công ty phải có hệ số nợ cao và nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty luôn căng thẳng, nhất là trong tình hình dự báo tài chính chung năm 2023 sẽ khó khăn, lãi suất vẫn cao và các trái phiếu doanh nghiệp đến hạn sẽ làm cho nhu cầu tiền của nền kinh tế tăng cao, trong khi cung tiền đang là điều kiện cần để kiểm soát lạm phát. Do đó, việc tăng nhanh hơn nữa vòng quay vốn và thu hồi công nợ là một yêu cầu bức thiết của Công ty.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trần Hữu Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Phạm Trường Giang	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên Hội đồng quản trị

➤ Ông LÊ VĨNH HÒA – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần sở hữu: 2.400.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản số 4
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần

➤ Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN – Thành viên Hội đồng quản trị
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc Công ty CP Vô tuyến tần số Viễn thông RFC

➤ Ông TRẦN HỮU HOÀNG – Thành viên Hội đồng quản trị
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần sở hữu: 1.967.538 cổ phần, chiếm 16,40% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Thủy sản Việt Nam

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn

➤ Ông PHẠM TRƯỜNG GIANG – Thành viên Hội đồng quản trị
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường

➤ Bà ĐỖ THỊ BÍCH VÂN – Thành viên Hội đồng quản trị
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Giám đốc Quan hệ khách hàng doanh nghiệp FDI tại Ngân hàng MSB

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch HĐQT	26/12/2018	19/04/2022
2	Lê Mạnh Thường	Thành viên HĐQT	28/09/2017	19/04/2022
3	Trần Như Thiên My	Thành viên HĐQT	20/05/2017	19/04/2022
4	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT	03/02/2018	19/04/2022
5	Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT	19/04/2022	
6	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	19/04/2022	
7	Phạm Trường Giang	Thành viên HĐQT	19/04/2022	
8	Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên HĐQT	19/04/2022	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	12/12	100%	
Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Lê Mạnh Thường	Thành viên HĐQT	2/3	67%	Vì lý do cá nhân và miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Trần Như Thiên My	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT	9/9	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	9/9	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Phạm Trường Giang	Thành viên HĐQT	9/9	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên HĐQT	9/9	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022



NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 phiên họp, trong đó 4 cuộc họp trực tiếp, 8 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/2022/NQ-HĐQT	21/01/2022	Công nhận danh hiệu “Lao động giỏi năm 2021” cho thành viên Ban điều hành
02/2022/NQ-HĐQT	28/02/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
03A/2022/NQ-HĐQT	25/03/2022	Thống nhất thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
03B/2022/NQ-HĐQT	25/03/2022	Thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
04/2022/NQ-HĐQT	19/04/2022	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị của Công ty, Thư ký Hội đồng quản trị
05A/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Vay vốn để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022-2023 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại các tổ chức tín dụng năm 2022
05B/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-2023 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
05C/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-2023 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn
05D/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-2023 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Đà Nẵng
05E/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Vay vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022-2023 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Đà Nẵng

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
06/2022/NQ-HĐQT	17/05/2022	Phê duyệt đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
07A/2022/NQ-HĐQT	03/06/2022	Phê duyệt đầu tư “Mở rộng thêm mặt bằng Nhà máy CB Thủy Đặc Sản (DL 10)”
07B/2022/NQ-HĐQT	03/06/2022	Phê duyệt Phụ lục Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
08/2022/NQ-HĐQT	06/06/2022	Phê duyệt điều chỉnh nội dung tại Nghị quyết 06/2022/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 17/05/2022 về “Phê duyệt đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung”
09/2022/NQ-HĐQT	14/06/2022	Lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung”
10A/2022/NQ-HĐQT	14/07/2022	Thực hiện NQ số 07A/2022/NQ-HĐQT ngày 03/06/2022 của HĐQT, liên quan đến Báo cáo đầu tư “Mở rộng thêm mặt bằng Nhà máy chế biến Thủy Đặc Sản (DL 10)”
10B/2022/NQ-HĐQT	14/07/2022	Xin bổ sung tài sản thế chấp tại Quỹ đầu tư phát triển Tp. Đà Nẵng để thực hiện dự án đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho tôm tại Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung
11/2022/NQ-HĐQT	25/07/2022	Chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị
12/2022/NQ-HĐQT	17/10/2022	Chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị
12/2022/NQ-HĐQT	17/10/2022	Chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị
01/2022/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Phân bổ thù lao năm 2022 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
02/2022/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung trong nhiệm kỳ 2022 - 2027
03/2022/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
04/2022/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2022, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch, đưa ra giải pháp cụ thể theo quy định về quản trị Công ty để các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT cùng các cán bộ quản lý khác tùy theo từng thời điểm, tùy từng vị trí công tác và chuyên môn nghiệp vụ để tham gia một số chương trình đào tạo, hội thảo, hội nghị và các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn khác để nâng cao nghiệp vụ, cập nhật các thông tin, kiến thức về chuyên môn của mình.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Hội đồng quản trị đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Bà Trần Như Thiên My đã được cấp chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần Đại chúng số 44 QTCT 290/QĐ-TTNC ngày 15/11/2013.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Phạm Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Lưu Mạnh Cường	Thành viên Ban kiểm soát
3	Vũ Văn Đông	Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát: Bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không có

Thành viên Ban kiểm soát: Ông Lưu Mạnh Cường

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không có

Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Văn Đông

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không có

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Phước Thái	Trưởng Ban kiểm soát	20/05/2017	19/04/2022
2	Trần Hữu Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát	10/06/2020	19/04/2022
3	Phan Minh Khuê	Thành viên Ban kiểm soát	10/06/2020	19/04/2022
4	Phạm Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	19/04/2022	
5	Lưu Mạnh Cường	Thành viên Ban kiểm soát	19/04/2022	
6	Vũ Văn Đông	Thành viên Ban kiểm soát	19/04/2022	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo đúng Điều lệ quy định và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua;

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp (trong đó có 4 cuộc họp trực tiếp, 8 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản), ban hành 19 Nghị quyết và 4 Quyết định, với một số nội dung quan trọng như sau:

- Công nhận danh hiệu “Lao động giỏi năm 2021” cho thành viên Ban điều hành;
- Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty;
- Bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty;
- Vay vốn để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022-2023 của Công ty tại các tổ chức tín dụng năm 2022;
- Phê duyệt các dự án và hạng mục đầu tư máy của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty;
- Phê duyệt các quy chế nội bộ của Công ty theo đúng thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty;
- Lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo đề xuất của Ban kiểm soát Công ty;
- Phân bổ thù lao năm 2022 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai kịp thời và thực hiện đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác quản lý điều hành, triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và của Hội đồng quản trị Công ty.
- Công tác quản lý tài chính, quản lý lao động được Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên liên lạc và trao đổi thông tin, phối hợp tốt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 giao.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có những đóng góp, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tại các phiên họp. Trong năm 2022, Ban kiểm soát tiếp tục theo sát và hỗ trợ Công ty trong việc rà soát và đưa ra góp ý cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong việc cải thiện các vấn đề đang tồn tại của Công ty

nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định và tài liệu quan trọng do Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty ban hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.

Trong năm 2022, không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc từ phía cổ đông.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp Ban kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Trần Phước Thái	Trưởng BKS	1/1	100%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Trần Hữu Hoàng	Thành viên BKS	1/1	100%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Phan Minh Khuê	Thành viên BKS	1/1	100%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Phạm Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Lưu Mạnh Cường	Thành viên BKS	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Vũ Văn Đông	Thành viên BKS	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp để thực hiện thông qua Báo cáo và Tờ trình của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2026, lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính nửa năm và cả năm 2022 và Báo cáo hoạt động của Ban kiểm toán trong 06 tháng đầu năm 2022. Ban Kiểm soát luôn đảm bảo triển khai thực hiện các hoạt động thường xuyên như sau:

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính;
- Giám sát các hoạt động của Công ty để tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Xem xét trình tự, thủ tục đầu tư, mua sắm và thanh lý tài sản cố định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Trình Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
- Thực hiện Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong nửa đầu năm 2022 gửi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông Công ty.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2022	Thu nhập 2021
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị	96.000.000	96.000.000
Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	18.000.000	72.000.000
Lê Mạnh Thường	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	72.000.000
Trần Như Thiên My	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	72.000.000
Đỗ Văn Sinh	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	72.000.000
Trần Hữu Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	-
Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	-
Phạm Trường Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	-
Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên Hội đồng quản trị	54.000.000	-
BAN KIỂM SOÁT			
Trần Phước Thái	Trưởng Ban kiểm soát	9.600.000	38.400.000
Trần Hữu Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát	7.200.000	28.800.000
Phan Minh Khuê	Thành viên Ban kiểm soát	7.200.000	28.800.000
Phạm Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	28.800.000	-
Lưu Mạnh Cường	Thành viên Ban kiểm soát	21.600.000	-
Vũ Văn Đông	Thành viên Ban kiểm soát	21.600.000	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc	809.724.119	650.380.527
Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	693.237.369	522.619.482



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo các quy định Pháp luật và nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thực tiễn tốt nhất về quản trị công ty để đáp ứng phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được ban hành và điều chỉnh theo quy định của các Pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC,...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023 từ trang 5 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại ngày 31/12/2022 là 18.365.570.000 VND. Với hạn chế này chúng tôi không thể xem xét việc dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2023-240-1

Nguyễn Hà Định
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2883-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

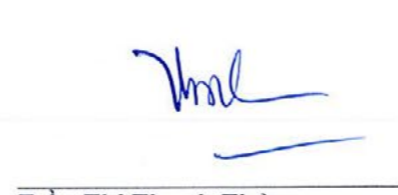
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	904.253.440.946	859.356.487.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	2.928.943.781	714.737.957
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		901.324.497.165	858.641.749.957
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	818.311.173.733	793.668.569.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.013.323.432	64.973.180.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	10.718.417.010	4.451.457.690
7. Chi phí tài chính	22	5.5	18.459.980.148	13.149.951.423
Trong đó, chi phí lãi vay	23		15.460.532.635	12.869.160.968
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	25.699.820.336	16.231.041.329
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	43.074.509.203	36.931.554.965
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.497.430.755	3.112.090.258
12. Thu nhập khác	31	5.8	1.375.990.265	1.046.074.507
13. Chi phí khác	32	5.9	363.596.206	851.048.868
14. Lợi nhuận khác	40		1.012.394.059	195.025.639
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.509.824.814	3.307.115.897
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	-	2.061.904.042
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.509.824.814	1.245.211.855
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	626	104
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	626	104



Trần Như Thiên My
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2023



Lê Thanh Phương
 Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Thủy
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		908.019.244.358	845.922.832.983
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(788.024.979.520)	(771.577.449.381)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(102.235.560.613)	(83.507.946.807)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(15.255.938.035)	(12.373.063.315)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(1.862.538.728)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		80.481.794.053	145.563.231.834
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(201.190.831.812)	(31.329.142.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118.206.271.569)	90.835.923.924
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.705.395.747)	(18.095.827.355)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	204.727.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		298.106.209	267.882.492
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.407.289.538)	(17.623.217.590)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	610.148.985.494	544.138.823.402
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(532.479.559.415)	(578.942.735.437)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.272.350)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		77.659.153.729	(34.803.912.035)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(54.954.407.378)	38.408.794.299
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		78.204.954.101	38.979.371.789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(276.153.006)	816.788.013
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		22.974.393.717	78.204.954.101



Trần Như Thiên My
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2023



Lê Thanh Phương
 Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Thủy
 Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 19 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/11/2020.

Ngày 16/03/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom với mã SPD. Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn Upcom.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.024 (31 tháng 12 năm 2021 là: 878).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng, lĩnh vực khác pháp luật cho phép...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 01 công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	23,44%	23,44%	23,44%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.5. Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2022
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 3078 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất 261-263 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam, diện tích 301,2 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất tại 166 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 90,45m².

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Lãi tiền gửi**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho. Được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho kể từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		172.634.625		200.512.007
VND		172.634.625		200.512.007
Tiền gửi ngân hàng		12.801.759.092		78.004.442.094
+ VND		2.168.639.292		5.767.114.031
+ USD	453.681,20 #	10.633.119.800	3.189.009,59 #	72.237.328.063
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		10.000.000.000		-
Cộng		22.974.393.717		78.204.954.101

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn:				
Trái phiếu ICB	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 50 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm, được chấp thuận mua vào ngày 21/06/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Công ty CP Đầu tư New City Seadanang (*)	18.365.570.000	-	18.365.570.000	-
Cộng	18.365.570.000	-	18.365.570.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác Công ty CP Long Hậu (**)	2.121.607.440	-	2.121.607.440	-
Cộng	2.121.607.440	-	2.121.607.440	7.309.230.000

(*) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư New City Seadanang để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/12/2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung gửi đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang thông báo số 281220/TB-TGD về việc hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/06/2016 kể từ ngày 05/01/2021.

Ngày 08/01/2021, Công ty đã nộp đơn phân tố đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu phân tố, ngày 18/02/2021 đã bổ sung đơn phân tố, nội dung phân tố bao gồm:

- Công nhận việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/09/2016 vì lý do Công ty CP Đầu tư New City Seadanang đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 423 Bộ Luật dân sự 2015;
- Giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng hợp tác căn cứ theo quy định tại Điều 427 Bộ Luật dân sự 2015, cụ thể là: Khi hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết nên Công ty CP Đầu tư New City Seadanang phải hoàn trả, bàn giao các tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bàn giao theo hợp đồng hợp tác.

Đến nay, Tòa án chưa tiến hành các bước tiếp theo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2022 là 21.350 VND/cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 137.910 cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Marubeni Corporation	19.154.090.229	26.686.046.019
Maruha Nichiro Sea foods INC	22.879.929.797	26.982.360.603
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	23.986.810.400	23.986.810.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	19.180.435.650	19.180.435.650
Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình	31.820.416.195	31.820.416.195
Các khách hàng khác	46.304.907.891	38.278.279.525
Cộng	163.326.590.162	166.934.348.392

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Seatecco	195.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đan San	98.100.000	-
Công ty TNHH MSC Việt Nam	24.000.000	337.382.400
Công ty TNHH Phần mềm Fast	-	252.000.000
Các nhà cung cấp khác	514.016.482	595.304.889
Cộng	831.116.482	1.184.687.289

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-	5.000.000	-
Ký quỹ mở LC UPAS	15.676.497.372	-	29.022.038.895	-
Tạm ứng	51.674.080	-	44.970.547	-
Phải thu bảo hiểm	414.224.928	-	215.543.842	-
Lãi dự thu	85.232.877	-	-	-
Phải thu khác	180.561.091	-	264.318.425	-
Cộng	16.420.190.348	-	29.551.871.709	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	96.736.021.505	-	96.736.021.505	2.881.268.690
Cộng	96.736.021.505	-	96.736.021.505	2.881.268.690

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.178.000.000	-	2.178.000.000	-
Công ty CP Inox Hòa Bình	31.820.416.195	-	31.820.416.195	-
Công ty TNHH Cơ Khí Đóng Tàu Hà Đức	3.812.860.589	-	3.812.860.589	-
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	9.994.961.290	-	9.994.961.290	-
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đức Quán	19.180.435.650	-	19.180.435.650	-
Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	-	23.986.810.400	-
DNTN TMDV XNK Hợp Thành Công	2.022.218.557	-	2.022.218.557	1.011.109.279
Công ty TNHH TM Tân Vĩnh Thái	3.740.318.824	-	3.740.318.824	1.870.159.411
Cộng	96.736.021.505	-	96.736.021.505	2.881.268.690

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.074.542.242	-	12.448.976.390	-
Công cụ, dụng cụ	675.692.295	-	672.886.317	-
Chi phí SX, KD dở dang	243.614.310.783	-	157.558.657.850	-
Thành phẩm	1.398.059.851	-	900.442.559	-
Hàng hóa	91.253.612	-	17.599.092	-
Cộng	258.853.858.783	-	171.598.562.208	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 243.614.310.783 VND.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Phần mềm thống kê, nhân sự, tiền lương	323.400.000	-
Cộng	323.400.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiền vận tài truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	76.967.226.613	166.464.680.734	4.130.172.385	1.553.460.930	249.115.540.662
Mua trong năm	2.903.452.057	9.942.230.646	-	-	12.845.682.703
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.538.070.399)	-	-	(1.538.070.399)
Tại ngày 31/12/2022	79.870.678.670	174.868.840.981	4.130.172.385	1.553.460.930	260.423.152.966
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	65.505.324.990	108.670.703.275	2.224.796.222	1.170.699.896	177.571.524.383
Khấu hao trong năm	2.141.225.826	7.626.756.747	456.438.286	80.456.306	10.304.877.165
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.538.070.399)	-	-	(1.538.070.399)
Tại ngày 31/12/2022	67.646.550.816	114.759.389.623	2.681.234.508	1.251.156.202	186.338.331.149
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	11.461.901.623	57.793.977.459	1.905.376.163	382.761.034	71.544.016.279
Tại ngày 31/12/2022	12.224.127.854	60.109.451.358	1.448.937.877	302.304.728	74.084.821.817

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 32.180.534.587 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 150.606.486.207 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	2.201.899.071	94.875.002	2.296.774.073
Khấu hao trong năm	-	42.166.668	42.166.668
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	2.201.899.071	137.041.670	2.338.940.741
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	2.860.475.040	158.124.998	3.018.600.038
Tại ngày 31/12/2022	2.860.475.040	115.958.330	2.976.433.370

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.860.475.040 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 VND.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	386.515.374	216.094.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	381.681.297	433.028.336
Chi phí dịch vụ ký quỹ L/C Upas	319.454.128	553.114.551
Các khoản khác	2.195.045.839	1.092.182.300
Cộng	3.282.696.638	2.294.419.187
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	19.662.493	98.312.497
Cộng	19.662.493	98.312.497

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hải Nam	1.186.230.920	1.186.230.920	1.752.368.170	1.752.368.170
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ nhiệt Vinh Quang	1.792.830.000	1.792.830.000	3.585.660.000	3.585.660.000
SREERAGAM EXPORT PVT LTD	4.590.669.600	4.590.669.600	-	-
TOKAI DENPUN CO., LTD	4.279.219.006	4.279.219.006	-	-
Công ty Cổ phần Đông Á	1.405.619.136	1.405.619.136	1.113.151.500	1.113.151.500
Danica Aqua Exports Private Limited	-	-	1.983.258.432	1.983.258.432
ST.PETER&PAUL	-	-	2.172.128.400	2.172.128.400
Svr Seafoods Exports Private Limited	-	-	2.775.061.920	2.775.061.920
Các đối tượng khác	7.833.486.457	7.833.486.457	5.752.544.267	5.752.544.267
Cộng	21.088.055.119	21.088.055.119	19.134.172.689	19.134.172.689

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	11.111.111	1.704.677.790	1.705.566.679	-	12.000.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	134.188.815	134.188.815	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	37.865.192	31.069.727	6.795.465	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.889.549	-	-	-	9.889.549	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	141.323.598	751.473.589	571.133.983	39.016.008	-
Thuế tài nguyên	-	-	83.489.300	83.489.300	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.733.617.626	6.733.617.626	-	-
Các loại thuế khác	-	286.994.364	291.994.364	5.000.000	-	-
Cộng	- 9.889.549	439.429.073	9.737.306.676	9.264.066.130	55.701.022	12.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Lãi vay dự trả	415.263.040	113.728.737
Tiền thuê đất	1.346.461.800	1.077.169.440
Trích trước chi phí vận chuyển	555.929.601	742.571.600
Các khoản trích trước khác	794.115.969	343.638.950
Cộng	3.111.770.410	2.277.108.727

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà	100.000.000	80.000.000
Cộng	100.000.000	80.000.000

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn	518.564.021	481.366.872
BHXH, BHYT, BHTN	208.345.229	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	225.119.145	235.391.495
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng - LC UPAS	1.981.755.072	13.408.819.069
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Đà Nẵng - LC UPAS	32.195.873.002	20.863.682.922
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng - LC UPAS	41.713.432.596	89.365.451.075
Ngân hàng TMCP hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng - LC UPAS	-	20.064.625.942
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	914.000.000	694.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	283.885.663	228.549.084
Cộng	79.040.974.728	146.341.886.459

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	220.000.000
Cộng	-	220.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	USD	VND	Tăng	Giảm	USD	VND
- Vay ngắn hạn (VND)						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	55.201.212.053	273.977.288.326	332.142.738.921		113.366.662.648	113.366.662.648
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Đà Nẵng	3.761.792.212	16.079.400.783	32.985.199.004		20.667.590.433	20.667.590.433
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng	11.202.254.278	71.676.397.813	92.875.825.486		32.401.681.951	32.401.681.951
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	30.322.545.499	133.565.630.859	150.787.790.210		47.524.704.850	47.524.704.850
- Vay ngắn hạn (USD)	9.914.620.064	52.635.858.871	55.493.924.221		12.772.685.414	12.772.685.414
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	6.517.540,39 #	329.482.805.350	199.370.349.630		1.072.740,34 #	24.663.195.849
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.013.883,60 #	62.798.719.473	38.708.845.137		- #	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng	1.985.040,00 #	91.815.405.092	59.682.923.441		653.536,34 #	14.972.517.549
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Đà Nẵng	2.250.564,00 #	110.746.571.664	58.657.768.224		60.410,00 #	1.384.597.200
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.268.052,79 #	64.122.109.121	42.320.812.828		8.306.081,00 #	8.306.081.100
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.957.018.084	5.957.018.084	4.619.239.716		4.619.239.716	4.619.239.716
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	1.644.000.000	1.644.000.000	1.644.000.000		1.644.000.000	1.644.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	3.203.418.084	3.203.418.084	2.975.239.716		2.975.239.716	2.975.239.716
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	1.109.600.000	1.109.600.000	-		-	-
Cộng	215.933.881.706	215.933.881.706	609.417.111.760	536.132.328.267	142.649.098.213	142.649.098.213



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	14.395.913.497	14.395.913.497	6.688.891.818	6.052.092.404	13.759.114.083	13.759.114.083
- CN Ngũ Hành Sơn	2.265.080.000	2.265.080.000	-	1.644.000.000	3.909.080.000	3.909.080.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	7.692.433.497	7.692.433.497	1.140.891.818	3.298.492.404	9.850.034.083	9.850.034.083
- Chi nhánh Đà Nẵng						
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	4.438.400.000	4.438.400.000	5.548.000.000	1.109.600.000	-	-
Cộng	14.395.913.497	14.395.913.497	6.688.891.818	6.052.092.404	13.759.114.083	13.759.114.083
Tổng cộng	230.329.795.203	230.329.795.203	616.106.003.578	542.184.420.671	156.408.212.296	156.408.212.296

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	Hợp đồng số 21.01/2022/HĐTĐ ngày 07/04/2022	100.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 55/2022/CV/VCB-KHDN ngày 07/07/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/CTD	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể		- Thẻ chấp tài sản là BĐS theo Hợp đồng bảo đảm số 47/2010/VCB-ĐN ngày 20/10/2010. - Thẻ chấp tài sản là đồng sản theo Hợp đồng số 29/2011/VCB-KHDN ngày 30/03/2011. - Thẻ chấp tài sản là đồng sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2011/VCB_KHDN ngày 06/05/2011. - Thẻ chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/2016/VCB_KHDN ngày 27/12/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	V/CB-KHDN ngày 07/07/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01.	80.000.000.000VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Thẻ chấp tài sản là HTK luân chuyển theo Hợp đồng bảo đảm số 26/2019/VCB-KHDN ngày 10/05/2019. - Thẻ chấp tài sản là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng đảm bảo số 25/2019/VCB-KHDn ngày 10/05/2019. - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh, p. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280282 (Số vào sổ cấp GCN: T 01657) do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2000LAV2011/HĐTĐ/SEA ký kết ngày 06 tháng 07 năm 2011. - Thẻ chấp tài sản là Phan xưởng chế biến số 3 và Kho lạnh 800 tấn, cùng toàn bộ máy móc thiết bị thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 072015/HĐTĐ/SEA ngày 28/07/2015.
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam- CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2022/HĐC VHM/NHCT4 86-SEA ngày 30/06/2022	35.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018/HĐTĐCTS ngày 01/06/2006. - Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018-SEA/TH ngày 08/12/2006. - Thẻ chấp toàn bộ dây chuyền sản xuất thức ăn nuôi tôm. - Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTĐC-QTS.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018-HĐCVTL/NHC T486-SEA	10.900.000.000 VND	84 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	- Dây chuyền cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, Glory Thermal Jet – M7505; - Hệ thống máy nén, dàn ngưng; - Máy dò kim loại Model KDS451ABW.
Ngân hàng TMCP Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 01/2019/HĐB Đ/NHCT486/S EA	2.400.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán đợt 2 40% tiền mua máy hấp luộc Anh Phát.	- Máy hấp 750kg/h, chế tạo Anh Phát, model MH-750-TN, công dụng hấp tôm và các sản phẩm khác.
	Hợp đồng số 16.06B/2020/HĐCV	3.360.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư máy móc thiết bị là thiết bị cấp đông siêu tốc 500kg/h	- Hợp đồng thế chấp số 20.03A/2020/BĐ và 20/03B/2020/BĐ ngày 20/03/2020. - Hợp đồng thế chấp số 26.03/2020/BĐ ngày 26/03/2020. - Thẻ chấp thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg.h GLORY JCT.
	Hợp đồng số 20.03/2020/HĐCV	1.600.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Toyota Camry	- Thẻ chấp bảng tải tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 bảng tải). - Thẻ chấp Máy đá Vảy MĐV-20t, sản xuất tại Việt Nam. - Xe ô tô Toyota Camry
Ngân hàng TMCP Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 02.06/2021/HĐTD	11.250.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư tài sản là máy móc thiết bị và xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	- Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đông gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rửa đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	Hợp đồng số 13/2022/HĐT D ngày 26/08/2022	5.548.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán chi phí đầu tư của dự án Đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm cho Tôm	- Máy đông gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Cụm máy nén trực vít MYCOM thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH. - Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai (01 máy phân cỡ camera 6 size) thuộc dự án Đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 29/2022/HĐT ngày 26/08/2022. - Tài sản thế chấp là 14 máy móc chuyên dùng theo hợp đồng thế chấp số 30/2022/HĐT ngày 20/09/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.18. Vốn chủ sở hữu
4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(16.922.778.824)	114.363.804.936
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.245.211.855	1.245.211.855
Tại ngày 01/01/2022	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(15.677.566.969)	115.609.016.791
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.509.824.814	7.509.824.814
Tại ngày 31/12/2022	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(8.167.742.155)	123.118.841.605

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.509.824.814	1.245.211.855
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	7.509.824.814	1.245.211.855
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	626	104

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.509.824.814	1.245.211.855
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>7.509.824.814</u>	<u>1.245.211.855</u>
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>12.000.000</u>	<u>12.000.000</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>626</u>	<u>104</u>

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm năm 2022 được tính dựa trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không quy định và Công ty vẫn đang còn lỗ lũy kế.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2022 USD	Tại ngày 01/01/2022 USD
Ngoại tệ các loại USD	453.681,2	3.189.009,59
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Mỹ Đức - Xóa sổ do tồn đọng lâu	87.511.000	87.511.000
Seatraco - Xóa sổ do Doanh nghiệp phá sản lâu	1.540.050.033	1.540.050.033
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất - Xóa sổ do tồn đọng lâu	128.132.540	128.132.540
Các cá nhân khác - Xóa sổ do tồn đọng lâu	263.869.535	263.869.535

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu hải sản	876.029.645.301	826.388.220.244
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	16.315.496.919	19.092.882.327
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.908.298.726	13.875.385.343
Cộng	<u>904.253.440.946</u>	<u>859.356.487.914</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	82.322.690	134.811.813
Hàng bán bị trả lại	2.846.621.091	-
Giảm giá hàng bán	-	579.926.144
Cộng	<u>2.928.943.781</u>	<u>714.737.957</u>

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hải sản	792.447.908.532	770.660.708.446
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	14.331.858.335	16.378.698.268
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.531.406.866	6.629.162.958
Cộng	<u>818.311.173.733</u>	<u>793.668.569.672</u>

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	89.435.086	5.919.304
Lãi đầu tư	31.875.000	36.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.029.000	262.029.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.137.097.434	4.147.009.386
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.197.980.490	-
Cộng	<u>10.718.417.010</u>	<u>4.451.457.690</u>

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	15.460.532.635	12.869.160.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.998.849.785	-
Phí lưu ký chứng khoán	597.728	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	280.790.455
Cộng	<u>18.459.980.148</u>	<u>13.149.951.423</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	164.426.319	793.481.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	25.535.394.017	15.437.559.437
Cộng	25.699.820.336	16.231.041.329

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.196.472.785	27.139.366.972
Chi phí đồ dùng văn phòng	916.471.943	756.128.379
Chi phí khấu hao TSCĐ	791.151.084	898.829.522
Thuế, phí, lệ phí	10.122.508	5.054.168
Chi phí dự phòng	2.881.268.691	2.881.268.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.245.634.383	3.071.884.345
Chi phí bằng tiền khác	2.033.387.809	2.479.022.888
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(300.000.000)
Cộng	43.074.509.203	36.931.554.965

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu thanh lý tài sản	-	204.727.273
Thu thanh lý CCDC	42.407.407	-
Thu nhập khác	1.333.582.858	841.347.234
Cộng	1.375.990.265	1.046.074.507

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
5.9. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	363.579.476	844.136.222
Chi phí khác	16.730	6.912.646
Cộng	363.596.206	851.048.868

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.509.824.814	3.307.115.897
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.365.173.681	576.869.304
Cộng:	1.627.202.681	1.368.992.256
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	454.800.000	312.000.000
- Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế, phạt hành chính	363.579.476	844.136.222
- Lãi CLTG đánh giá lại năm trước tiền và nợ phải thu	530.093.952	133.674.034
- Lỗ CLTG đánh giá lại năm nay tiền và nợ phải thu	278.729.253	-
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	79.182.000
Trừ:	262.029.000	792.122.952
- Cổ tức lợi nhuận được chia	262.029.000	262.029.000
- Lãi CLTG đánh giá lại cuối năm tiền và nợ phải thu	-	530.093.952
Tổng thu nhập chịu thuế	8.874.998.495	3.883.985.201
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	15.912.046.275	6.046.779.057
- Thu nhập của hoạt động khác	(7.037.047.780)	(2.162.793.856)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	8.874.998.495	3.883.985.201
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Hoạt động ưu đãi	-	-
- Hoạt động không ưu đãi	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	-	-
- Thuế TNDN của hoạt động khác	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	2.061.904.042
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	2.061.904.042

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	845.873.487.332	751.157.526.782
Chi phí nhân công	33.671.522.913	29.387.345.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.347.043.833	10.107.482.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.976.862.153	58.323.414.617
Chi phí khác bằng tiền	5.888.588.575	2.802.631.715
Cộng	970.757.504.806	851.778.401.057

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	610.148.985.494	544.138.823.402
Cộng	610.148.985.494	544.138.823.402

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	532.479.559.415	578.942.735.437
Cộng	532.479.559.415	578.942.735.437

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý kinh doanh như sau:

- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản
- Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý						
Doanh thu bộ phận	-	-	16.233.174.229	19.492.882.327	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	-	2.286.306.667	16.233.174.229	19.492.882.327	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	-	-	15.960.128.865	18.187.570.892	681.630	785.335
- Từ khách hàng bên ngoài	-	1.593.873.045	15.960.128.865	18.187.570.892	681.630	785.335
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	-	692.433.622	273.045.364	1.305.311.435	(681.630)	(785.335)
Lãi vay	-	28.208.705	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hữ tài chính khác	-	330.888	1.213.518	1.581.423	34.569	30.610
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	-	27.878.017	1.213.518	1.581.423	34.569	30.610
Thu nhập khác	-	770.000	2.358.557	38.543.398	-	-
Chi phí khác	-	-	16.730	402.450	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	-	770.000	2.341.827	38.140.948	-	-
Lợi nhuận trước thuế	-	665.325.605	276.600.709	1.345.033.806	(647.061)	(754.725)
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	665.325.605	276.600.709	1.345.033.806	(647.061)	(754.725)
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý						
Tài sản bộ phận	-	-	10.225.317.740	9.756.755.971	59.442.575	59.809.735
Tổng tài sản	-	-	10.225.317.740	9.756.755.971	59.442.575	59.809.735
Nợ phải trả bộ phận	-	-	1.657.802.796	1.189.241.027	59.442.575	59.809.735
Tổng nợ phải trả	-	-	1.657.802.796	1.189.241.027	59.442.575	59.809.735

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý						
Doanh thu bộ phận	885.091.322.936	836.862.560.963	-	-	901.324.497.165	858.641.749.957
- Từ khách hàng bên ngoài	885.091.322.936	836.862.560.963	-	-	901.324.497.165	858.641.749.957
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	871.124.692.777	827.048.936.694	-	-	887.085.503.272	846.831.165.966
- Từ khách hàng bên ngoài	871.124.692.777	827.048.936.694	-	-	887.085.503.272	846.831.165.966
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	13.966.630.159	9.813.624.269	-	-	14.238.993.893	11.810.583.991
Lãi vay	15.460.532.635	12.869.160.968	-	(28.208.705)	15.460.532.635	12.869.160.968
Lãi (lỗ) hữ tài chính khác	7.717.721.410	4.196.933.219	-	(28.208.705)	7.718.969.497	4.170.667.235
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(7.742.811.225)	(8.672.227.749)	-	-	(7.741.563.138)	(8.698.493.733)
Thu nhập khác	1.373.631.708	1.006.761.109	-	-	1.375.990.265	1.046.074.507
Chi phí khác	363.579.476	850.646.418	-	-	363.596.206	851.048.868
Lãi (lỗ) hoạt động khác	1.010.052.232	156.114.691	-	-	1.012.394.059	195.025.639
Lợi nhuận trước thuế	7.233.871.166	1.297.511.211	-	-	7.509.824.814	3.307.115.897
Thuế TNDN	-	2.061.904.042	-	-	-	2.061.904.042
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.233.871.166	(764.392.831)	-	-	7.509.824.814	1.245.211.855
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý						
Tài sản bộ phận	463.153.450.948	445.496.903.950	(3.473.586.264)	(2.669.986.973)	469.964.624.999	452.643.482.683
Tổng tài sản	463.153.450.948	445.496.903.950	(3.473.586.264)	(2.669.986.973)	469.964.624.999	452.643.482.683
Nợ phải trả bộ phận	348.602.124.287	338.455.402.103	(3.473.586.264)	(2.669.986.973)	346.845.783.394	337.034.465.892
Tổng nợ phải trả	348.602.124.287	338.455.402.103	(3.473.586.264)	(2.669.986.973)	346.845.783.394	337.034.465.892

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý						
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao	-	154.817.773	88.546.800	237.473.827	-	-
Văn phòng						
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý						
Chi phí mua sắm tài sản	12.845.682.703	23.797.646.600	-	-	12.845.682.703	23.797.646.600
Chi phí khấu hao	10.258.497.033	9.715.190.605	-	-	10.347.043.833	10.107.482.205

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt
Công ty liên kết

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Mạnh Hữu	Phó chủ tịch HĐQT	18.000.000	72.000.000
Ông Lê Mạnh Thường	Ủy viên HĐQT	18.000.000	72.000.000
Bà Trần Như Thiên My	Ủy viên HĐQT	18.000.000	72.000.000
Ông Đỗ Văn Sinh	Ủy viên HĐQT	18.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Ủy viên HĐQT	54.000.000	-
Ông Phạm Trường Giang	Ủy viên HĐQT	54.000.000	-
Bà Đỗ Thị Bích Vân	Ủy viên HĐQT	54.000.000	-
Ông Trần Hữu Hoàng	Ủy viên HĐQT	54.000.000	-
Ông Trần Phước Thái	Trưởng Ban kiểm soát	9.600.000	38.400.000
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên BKS	7.200.000	28.800.000
Ông Phạm Minh Khuê	Thành viên BKS	7.200.000	28.800.000
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Thành viên BKS	28.800.000	-
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên BKS	21.600.000	-
Ông Vũ Văn Đông	Thành viên BKS	21.600.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc	809.724.119	650.380.527

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Công ty đang phát sinh các vụ kiện thu hồi nợ với hai công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR. Theo đó:

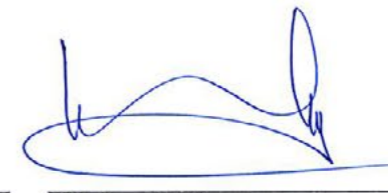
- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: Ngày 21/01/2020, Công ty đã nộp hồ sơ, đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Qua nhiều phiên tòa xét xử, ngày 10/08/2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình ra Quyết định số 03/2020/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, Công ty chấp nhận lịch trả nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đưa ra tại công văn số 87/CV-ĐQ ngày 13/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân mới chỉ thanh toán được 300.000.000 VND. Luật sư sẽ phải thực hiện yêu cầu thi hành án theo quyết định của Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR: Ngày 20/01/2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đến Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/12/2020, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Ngày 29/04/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình lập biên bản hòa giải. Theo đó: đại diện Công ty giữ nguyên nội dung theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đồng ý thanh toán nợ theo đơn khởi kiện. Ngày 11/5/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình gửi giấy báo triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 22/06/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình tuyên án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 23.986.810.400 VND nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1208 – 2017/3GR-SPD ngày 12/08/2017 và 10.827.246.434 VND nợ lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến 22/6/2021, tổng cộng là 34.814.056.834 VND. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ trên, Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 2.000.000 cổ phiếu FTM do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân phát hành là tài sản của bà Phạm Thị Hà theo hợp đồng cầm cố ngày 15 và 17/08/2017 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR tiếp tục trả cho Công ty đến khi trả xong nợ.



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2023



Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Thủy
Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Thành phố Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN NHƯ THIÊN MY



Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ
Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng



(0236) 3821436



info@seadanang.com.vn



www.seadanang.com.vn